

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM KINH Quyển Thượng

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 363

Hán dịch: Đại Sư Pháp Hiền
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến
Việt dịch: Thích Nữ Hương Trí (04-2007)
Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 363 《佛說大乘無量壽莊嚴經》

【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 363 《Phật thuyết Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh》

【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 363 《Phật nói Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh》

【版本記錄】CBETA 電子佛典 V1. 15 (UTF-8) 普及版, 完成日期: 2004/11/20

【bản bản kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1. 15 (UTF-8) phổ cập bản, hoàn thành nhật kỳ: 2004/11/20

【bản gốc kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1. 15 (UTF-8) khắp cùng bản, hoàn thành ngày: 2004/11/20

【編輯說明】本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA) 依大正新脩大藏經所編輯

【biên tập thuyết minh】bản tu liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập

【biên tập thuyết minh】gốc tu liệu kho bởi Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) nương Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh biên tập

【原始資料】蕭鎮國大德提供, 維習安大德提供之高麗藏 CD 經文, 北美某大德提供

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại Đức đề cung

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại-Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại-Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại-Đức đề cung

【其它事項】本資料庫可自由免費流通, 詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】bản tu liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông, tường tế nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu khổ cơ bản giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】gốc tu liệu kho có thể tự do miễn phí lưu thông, rõ ràng nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu kho nền nhà gốc giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

=====

佛說大乘無量壽莊嚴經卷上

Phật thuyết Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh quyển thượng
[Phật Thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh.](#)
[Quyển Thượng](#)

西天譯經三藏朝散大夫試光祿卿 明教大師臣法賢奉 詔譯
Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triều tán Đại phu thí quang lộc khanh
minh giáo Đại sư Thân Pháp hiền phụng chiếu dịch

Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh
Minh giáo Đại Sư Thần Pháp Hiền phụng chiếu dịch

如是我聞。一時佛在王舍城鷲峯山中。

như thị ngã văn. nhất thời Phật tại Vương xá thành Thửu Phong sơn trung
Tôi nghe như vậy, một thuở nọ, đức Phật ở trong núi Thửu Phong của thành Vương Xá,
與大苾芻眾三萬二千人俱。皆得阿羅漢。

dữ Đại bát sô chúng tam vạn nhị thiên nhân câu. giai đắc A La Hán
cùng chúng đại Tỳ-kheo ba vạn hai ngàn người. Các vị này đều là bậc A-la-hán,
具大神通。其名曰尊者阿若憍陳如。尊者馬勝。

cụ Đại Thần thông. kỳ danh viết Tôn-Giả A nhã Kiều trần như. Tôn-Giả Mã thắng
đủ đại thần thông. Tên của các vị ấy là: Tôn giả A-nhã-kiều-trần-như, Tôn giả Mã
Thắng,

尊者麼瑟比拏。尊者大名。尊者跋多婆。

Tôn Giả ma sắc bi noa. Tôn-Giả Đại danh. Tôn-Giả bạt đa bà.
Tôn giả Ma-sắt-ti-nã, Tôn giả Đại Danh, Tôn giả Bạt-đa-bà,
尊者稱天。尊者離垢。尊者妙臂。

Tôn-Giả xung Thiên. Tôn-Giả ly cấu. Tôn-Giả diệu tỳ.
Tôn Giả Xung Thiên, Tôn Giả Ly Cấu, Tôn giả Diệu Tỳ,
尊者布闍拏枳囊。尊者憍梵波提。尊者優樓頻螺迦葉。

Tôn-Giả bố lan noa chỉ năng Tôn-Giả Kiều-Phạm-Ba-Đề. Tôn-Giả ưu lâu tần loa ca diệp.
Tôn giả Bồ-lan-noa-chỉ-năng, Tôn giả Kiều-phạm-ba-đề, Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa-ca-diệp,
尊者那提迦葉。尊者舍利子。尊者大目乾連。

Tôn-Giả na đề Ca Diệp. Tôn-Giả Xá lợi tử. Tôn-Giả Đại mục kiến liên.
Tôn Giả Na-đề-ca-diệp, Tôn giả Xá-lợi-tử, Tôn giả Đại Mục-kiến-liên,
尊者摩訶迦旃延。尊者摩訶俱絺羅。

Tôn-Giả Ma-Ha ca chiên duyên. Tôn-Giả Ma-Ha câu hi la.
Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-ciên, Tôn giả Ma-ha Câu-hy-la,
尊者劫賓那。尊者摩訶 利禾 尊 那。尊者彌多羅尼子。

Tôn-Giả kiếp tân na. Tôn-Giả Ma-Ha Lợi Tôn]na. Tôn-Giả di đa-la ni tử
Tôn giả Kiếp-tân-na, Tôn giả Ma-ha Lợi-tôn-na, Tôn giả Di-đa-la-ni-tử,
尊者阿那律。尊者喜。尊者緊鼻哩拏。

Tôn-Giả A na luật. Tôn-Giả hi. Tôn-Giả khẩn tỳ lý noa.
Tôn giả A-na-luật, Tôn giả Hi, Tôn giả Khẩn-tỳ-lý-noa,
尊者須菩提。尊者哩嚩帝。尊者佉囉囉囉爾枳囊。

Tôn-Giả Tu Bồ-đề. Tôn-Giả lý phọc đế. Tôn-Giả khu Nhĩ La Phọc Nễ Chỉ Năng
Tôn giả Tu-bồ-đề, Tôn giả Lý-phục-đế, Tôn giả Khu-nhĩ-la-phục-nễ-chỉ-năng,
尊者摩賀囉倪。尊者波囉野尼枳囊。

Tôn-Giả ma hạ la nghệ. Tôn-Giả ba la dã ni chỉ năng
Tôn giả Ma-ha La-nghê, Tôn giả Ba-la-dã-ni-chỉ-năng,
尊者嚩拘隸囊。尊者阿難陀。尊者羅睺羅。尊者善來。

Tôn-Giả phọc câu lệ năng. Tôn-Giả A-nan Đà. Tôn-Giả La- hầu-la. Tôn-Giả thiện lai
Tôn giả Phục-câu-lệ-năng, Tôn giả A-nan-đà, Tôn giả La-hầu-la, Tôn giả Thiện Lai,
如是等三萬二千人俱。

như thị đẳng tam vạn nhị thiên nhân câu.
Như vậy có ba vạn người đều đồng hội họp.

爾時尊者阿難。即從座起偏袒右肩。

nhĩ thời Tôn-Giả A-nan. tức tùng toạ khởi Thiên đàn hữu kiên.
Bấy giờ Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy trịch áo bên phải,
右膝著地合掌頂禮。白佛言。世尊。如來應正等覺。

hữu tất trú địa hợp chuông đỉnh lễ. bạch Phật ngôn. Thế tôn. Như Lai ứng chánh đẳng giác.

gồi bên phải quỳ sát đất đánh lễ Phật, rồi bạch Phật: Bạch Thế Tôn, Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác,

諸根清淨。面色圓滿。寶剎莊嚴。

chư căn thanh tịnh. diện sắc viên mãn. bảo sát trang nghiêm
các căn thanh tịnh, sắc diện tròn đầy, cõi nước trang nghiêm,
如是功德得未曾有。云何所行廣大妙行。

như thị công đức đắc vị tăng hữu. vân hà sở hạnh quảng Đại diệu hành
công đức như vậy chưa từng có! Con xin hỏi, thế nào gọi là sở hành quảng đại diệu hạnh,

及過去未來諸佛所行。願為宣說。佛告阿難。善哉善哉。

cập quá khứ vị lai chư Phật sở hạnh. nguyện vi tuyên thuyết. Phật cáo A-nan Thiện tai
Thiện tai.

và hạnh nguyện Chư Phật trong quá khứ vị lai, xin Đức Từ Phụ giảng giải cho con. Phật bảo A-nan, lành thay! lành thay!

汝為利益一切眾生。懷慈愍心。

nhữ vi lợi ích nhất thiết chúng sanh. hoài từ mẫn tâm.

Ông vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, thường sanh lòng từ bi thương xót,

能問如來微妙之義。汝今諦聽善思念之。如來應供正遍知。

năng vấn Như Lai vi diệu chi nghĩa. nhữ kim để thính thiện tu niệm chi. Như Lai Ứng
Cúng Chánh-biến-Tri.

có thể hỏi Như Lai nghĩa lý vi diệu. Ông nay lắng nghe, khéo suy nghĩ, Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri

今為汝說。

kim vi nhữ thuyết.

nay vì Ông nói.

佛告阿難。

Phật cáo A-nan.

Phật bảo A-nan:

如過去無量無邊不可思議阿僧祇劫。爾時有佛世尊出現於世。

như quá khứ vô lượng vô biên bất khả tư nghị a tăng kì kiếp. nhĩ thời hữu Phật Thế
tôn xuất hiện ư thế.

như quá khứ vô lượng vô biên a-tăng-kì kiếp không thể nghĩ bàn, bấy giờ có Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời,

名曰然燈如來應正等覺。彼然燈佛前。

danh viết Nhiên-Đăng Như Lai ứng chánh đẳng giác. bỉ Nhiên đăng Phật tiền
hiệu Nhiên Đăng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Trước đức Phật Nhiên Đăng,

復有世尊出現世間。名鉢囉多波野輸如來。

phục hữu Thế tôn xuất hiện thế gian. danh bát la đa ba dã du Như Lai.

lại có đức Thế Tôn xuất hiện ở thế gian, hiệu là Bát-lâu-đa-ba-dã-du Như Lai.

又彼佛前有佛出世。名發光如來。又彼佛前有佛出世。

hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế. danh phát quang Như Lai. hựu bỉ Phật tiền hữu
Phật xuất thế.

Lại trước Đức Phật đó lại có Đức Phật ra đời, hiệu là Phát Quang Như Lai. Lại trước Đức Phật đó lại có Phật ra đời,

名贊那曩誡囉護如來。又彼佛前有佛出世。

danh tán na năng nga la hộ Như Lai. hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế

hiệu là Tán-na-năng-nga-la-hộ Như Lai. Lại trước Đức Phật đó trước có đức Phật ra đời,

名須彌劫如來。又彼佛前有佛出世。名月面如來。

danh Tu-Di kiếp Như Lai. hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế. danh nguyệt diện Như Lai.

hiệu là Tu-di-kiếp Như Lai. Lại trước Đức Phật đó trước có đức Phật ra đời, hiệu là Nguyệt Diện Như Lai.

又彼佛前有佛出世。名無垢面如來。

hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế. danh vô cấu diện Như Lai

Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời, hiệu là Vô Cấu Diện Như Lai.

又彼佛前有佛出世。名無著如來。

hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế. danh Vô trú Như Lai.

Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời, hiệu là Vô Trước Như Lai.

又彼佛前有佛出世。名龍主如來。又彼佛前有佛出世。

hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế. danh long chủ Như Lai. hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế.

Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời, hiệu là Long Chủ Như Lai.

名日面如來。又彼佛前有佛出世。

danh nhật diện Như Lai. hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế

Lại trước Đức Phật đó có Đức Phật ra đời,

名山響音王如來。又彼佛前有佛出世。名須彌峯如來。

danh sơn hưởng âm Vương Như Lai. hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế. danh Tu-Di phong Như Lai.

hiệu là Hưởng Âm Vương Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có Đức Phật ra đời, hiệu là Tu Di Phong Như Lai.

又彼佛前有佛出世。名金藏如來。

hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế. danh kim tạng Như Lai.

Lại trước Đức Phật đó có Đức Phật ra đời, hiệu là Kim Tạng Như Lai.

又彼佛前有佛出世。名火光如來。又彼佛前有佛出世。

hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế. danh hỏa quang Như Lai. hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế.

Lại trước Đức Phật đó có Đức Phật ra đời, hiệu là Hỏa Quang Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có Đức Phật ra đời,

名不動地如來。又彼佛前有佛出世。

danh bất động địa Như Lai. hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế.

hiệu là Bất Động Địa Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời,

名瑠璃光如來。又彼佛前有佛出世。名月王如來。

danh lưu ly quang Như Lai. hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế. danh nguyệt Vương Như Lai.

hiệu là Lưu Ly Quang Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có Đức Phật ra đời, hiệu là Nguyệt Vương Như Lai.

又彼佛前有佛出世。名日音如來。

hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế. danh nhật âm Như Lai.

Lại trước Đức Phật đó có Đức Phật ra đời, hiệu là Nhật Âm Như Lai.

又彼佛前有佛出世。名散華莊嚴如來。

hựu bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế danh tán hoa trang nghiêm Như Lai.

Lại trước Đức Phật đó có Đức Phật ra đời, hiệu là Tán Hoa Trang Nghiêm Như Lai

又彼佛前有佛出世。名吉祥峯如來。又彼佛前有佛出世。

hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế. danh cát tường phong Như Lai. hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế.

Lại trước Đức Phật đó có Đức Phật ra đời, hiệu là Cát Tường Phong Như Lai. Lại trước đức Phật đó có đức Phật ra đời,

名持海慧自在通王如來。又彼佛前有佛出世。

danh trì hải tuệ tự-tại thông Vương Như Lai. hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế hiệu là Trì Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời,

名施光如來。又彼佛前有佛出世。

danh thí quang Như Lai. hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế.

hiệu là Thí Quang Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời,

名大香象光如來。又彼佛前有佛出世。

danh Đại hương tượng quang Như Lai. hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế.

hiệu là Đại Hương Tượng Quang Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời

名離一切垢如來。又彼佛前有佛出世。名勇猛峯如來。

danh ly hất thiết cấu Như Lai. hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế danh dũng mãnh phong Như Lai.

hiệu là Ly Hất Thế Cấu Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có Phật ra đời, hiệu là Dũng Mạnh Sơn Như Lai.

又彼佛前有佛出世。名寶光如來。

hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế. danh bảo quang Như Lai.

Lại trước đức Phật đó có đức Phật ra đời, hiệu là Bảo Quang Như Lai.

又彼佛前有佛出世。名持多德得通如來。

hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế. danh trì đa đức đắc thông Như Lai

Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời, hiệu là Trì Đa Đức Đắc Thông Như Lai.

又彼佛前有佛出世。名過日月光如來。又彼佛前有佛出世。

hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế. danh quá nhật nguyệt quang Như Lai. hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế.

Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời, hiệu là Quá Nhật Nguyệt Quang Như Lai. Lại trước đức Phật đó có đức Phật ra đời,

名最上瑠璃光如來。又彼佛前有佛出世。

danh tối thượng lưu ly quang Như Lai. hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế

hiệu là Tối Thượng Lưu Ly Quang Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời,

名慧花開心行出生如來。又彼佛前有佛出世。

danh tuệ hoa khai tâm hành xuất sanh Như Lai. hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế

hiệu là Huệ Hoa Khai Tâm Hành Xuất Thế Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời,

名大華林通王如來。又彼佛前有佛出世。

danh Đại hoa lâm thông Vương Như Lai. hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế

hiệu là Đại Hoa Lâm Thông Vương Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời,

名一月光如來。又彼佛前有佛出世。

danh nhất nguyệt quang Như Lai. hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế.

hiệu là Nhất Nguyệt Quang Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời,

名破無明黑暗如來。又彼佛前有佛出世。

danh phá vô minh hắc ám Như Lai. hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế.

hiệu là Phá Vô Minh Hắc Ám Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời,

名真珠珊瑚蓋如來又彼佛前有佛出世。

danh chân châu san hô cái Như Lai hộ bỉ Phật tiền hữu Phật xuất thế.

hiệu là Chân Châu San Hô Cái Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời,

名三乘法自在王如來。又彼佛前有佛出世。

Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh, quyển Thượng 6

Tuequang

hiệu là Tam Thừa Pháp Tự Tại Vương Như Lai. hựu bi Phật tiền hữu Phật xuất thế
hiệu là Tam Thừa Pháp Tự Tại Vương Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có đức Phật ra đời,
名師子海峯自在王如來。又彼佛前有佛出世。

danh Su-tử hải phong tự tại Vương Như Lai. hựu bi Phật tiền hữu Phật xuất thế
hiệu là Su Tử Hải Phong Tự Tại Vương Như Lai. Lại trước Đức Phật đó có đức ra đời,
名梵音聲自在王如來。又彼佛前有佛出世。

danh Phạm Âm thanh tự tại Vương Như Lai hựu bi Phật tiền hữu Phật xuất thế
hiệu là Phạm Âm Tự Tại Vương Như Lai. Lại trước đức Đức Phật đó có đức Phật ra đời,
名世自在王如來應正等覺明行足善逝世間解無上士調
danh Thế tự tại Vương Như Lai ứng chánh đẳng Giác minh hành túc thiện thế thế gian
giải Vô-thượng-Sĩ điều
hiệu là Thế Tự Tại Vương Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hành Túc, Thiện Thế, Thế
Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều

御丈夫天人師佛世尊。而於法中。有一苾芻。

ngự phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế tôn. nhi ư Pháp trung. hữu nhất bạt sô.
Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn. Trong Pháp này có một Tỳ-kheo
名曰作法。信解第一。明記第一。修行第一。

danh viết tác Pháp. tín giải đệ nhất. minh kí đệ nhất. tu hành đệ nhất
hiệu là Tác Pháp, tín giải đệ nhất, ghi nhớ đệ nhất, tu hành đệ nhất,
精進第一。智慧第一。大乘第一。爾時苾芻。

tinh tấn đệ nhất. trí tuệ đệ nhất. Đại thừa đệ nhất. nhĩ thời bạt sô
tinh tấn đệ nhất, trí tuệ đệ nhất, Đại thừa đệ nhất. Bấy giờ Tỳ-kheo

離自本處來詣佛前。頭面禮足於一面立。

ly tự bản xứ lai nghê Phật tiền. đầu diện lễ túc ư nhất diện lập.
lìa chỗ ngồi của mình đến trước Phật, đánh lễ dưới chân Phật xong đứng qua một bên,
即以伽他嘆佛面色端嚴。復發廣大誓願。

túc dĩ dà tha thán Phật diện sắc đoan nghiêm. phục phát quang Đại thế nguyện
túc dùng dà khác than Phật mặt sắc đoan trang. lại phát quang Đại thế nguyện.
rồi tán thán sắc tướng đoan nghiêm của Phật, xong phát đại thế nguyện,
頌曰。

tụng viết。

khen rằng :

如來微妙色端嚴
Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm
Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm
光明無量照十方
quang-minh vô lượng chiếu thập phương
Quang minh vô lượng chiếu mười phương
願我得佛清淨聲
Nguyện ngã đắc Phật thanh tịnh thanh
Nguyện con được Phật thân thanh tịnh
宣揚戒定精進門
Tuyên dương giới định tinh tấn môn
Tuyên dương giới định môn tinh tấn
智慧廣大深如海
Trí tuệ quang Đại thâm như hải
Trí tuệ rộng sâu dường biển cả
超過無邊惡趣門
Siêu quá vô biên ác thú môn
Vượt qua hết thảy con đường ác
亦如過去無量佛

一切世間無有等
Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng
Thế gian không ai có thể sánh
日月火珠皆曜曜
Nhật nguyệt hỏa châu giai nật diệu
Nhật Nguyệt hoá châu không sánh kịp
法音普及無邊界
Pháp âm phổ cập vô biên giới
Pháp âm cùng khắp các cõi nước
通達甚深微妙法
Thông đạt thậm thâm vi diệu Pháp
Thông suốt sâu xa vi diệu Pháp
內心清淨絕塵勞
Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao
Nội tâm thanh tịnh dứt trần lao
速到菩提究竟岸
Tốc đáo Bồ-đề cứu cánh ngạn
Mau chóng chứng đặng Bồ-đề quả
威光普照眾生界

Diệc như quá khứ vô lượng Phật
Cũng như Chu Phật đời quá khứ
為彼群生大導師
Vi bi quần sanh Đại Đạo sư
Làm vị Đạo sư của chúng sanh
常行布施及戒忍
Thường hành bố thí cập giới nhẫn
Thường hành bố thí cùng nhẫn nhục
未度有情令得度
vị độ hữu tình lệnh đắc độ
Hữu tình chưa độ khiến được độ
我以一切伸供養
Ngã dĩ nhất thiết thân cung dưỡng
Con nguyện cúng dường hết tất cả
恒河沙數佛世尊
Hằng-hà sa-số Phật Thế tôn
Hằng hà sa số Phật Thế Tôn.
復有十方諸佛刹
Phục hữu thập phương chư Phật sát
Lại có mười phương cõi nước Phật
殊勝莊嚴無等倫
Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân
Thù thắng trang nghiêm không thể sánh
所有無邊世界中
sở hữu vô biên thế giới trung
Hết thấy vô biên các cõi nước
速生我刹受快樂
Tốc sanh ngã sát thọ khoái lạc
Mau sanh nước con nhiều khoái lạc
願我精進恒決定
Nguyện ngã tinh tấn hằng quyết định
Nguyện con tinh tấn thường quyết định
度盡阿鼻苦眾生
độ tận A-tì khổ chúng sanh
Cứu độ chúng sanh khổ A-tỳ
爾時世尊告阿難言。彼作法苾芻說是偈已。

nhĩ thời Thế tôn cáo A-nan ngôn. bi tác Pháp bát sô thuyết thị kệ dĩ
Lúc bây giờ Thế Tôn bảo Ngài A-nan, Tác Pháp Tỳ-kheo nói xong kệ này,
白世自在王如來。

bạch Thế tự tại Vương Như Lai.
bạch Thế Tự Tại Vương Như Lai,

我今發阿耨多羅三藐三菩提心。樂求無上正等正覺。唯願世尊。

ngã kim phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm. lạc cầu Vô Thượng chánh đẳng Chánh
Giác. duy nguyện Thế tôn.

con nay phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác , vui cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh
Giác , kính mong Thế Tôn

說諸佛刹功德莊嚴。若我得聞。

thuyết chư Phật sát công đức trang nghiêm. nhược ngã đắc văn.

nói công đức trang nghiêm các cõi nước Phật. Nếu con được nghe,

恒自修持嚴土之行。爾時世自在王如來。告作法苾芻言。

hằng tự tu trì nghiêm độ chi hành. nhĩ thời Thế tự tại Vương Như Lai. cáo tác Pháp
bát sô ngôn.

Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh, quyển Thượng
Foundation

Uy quang phổ chiếu chúng sanh giới
Hào quang chiếu sáng khắp thế giới
度脫老死令安隱
Độ thoát lão tử lệnh an ổn
Độ thoát già chết khiến an ổn
精進定慧六波羅
Tinh tấn định tuệ lục ba la
Tinh tấn định huệ lục Ba La
已度之者使成佛
Dĩ độ chi giả sử thành Phật
Nếu đã độ rồi khiến thành Phật
百千俱胝那由他
Bách thiên câu chi na-do-tha
Đến khắp hằng sa nhiều cõi nước
令我成就寂滅果
Lệnh ngã thành tựu tịch diệt quả
Khiến con thành tựu quả tịch diệt
恒放光明照一切
Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết
Thường phóng hào quang chiếu tất cả
願我成就利群品
Nguyện ngã thành tựu lợi quần phẩm
Con nguyện thành tựu lợi quần sanh
輪迴諸趣眾生類
Luân-hồi chư thú chúng sanh loại
Luân hồi ác thú các chúng sanh
不久俱成無上道
Bất cửu câu thành Vô Thượng đạo
Chẳng lâu đều thành Vô Thượng đạo
常運慈心拔有情
Thường vận từ tâm bạt hữu tình
Thường vận từ tâm cứu hữu tình
所發弘誓永不斷
Sở phát hoằng thệ vĩnh bất đoạn
Phát thệ nguyện lớn chẳng hề đoạn.

sẽ thường tu trì các hạnh trang nghiêm cõi nước. Lúc bấy giờ Thế Tụ Tại Vương Như Lai bảo tác Pháp Tỳ-kheo:

汝自思惟。修何方便。而能成就佛刹莊嚴。

nhữ tự tư duy tu hà phương tiện nhi năng thành tựu Phật sát trang nghiêm

Ông tự suy nghĩ, tu phương tiện gì mà có thể thành tựu trang nghiêm Phật độ?

苾芻白言。我智慧微淺。不能了知嚴刹之行。

bật sô bạch ngôn. ngã trí tuệ vi thiểu. bất năng liễu tri nghiêm sát chi hành.

Tỳ-kheo bạch rằng, trí huệ con nông cạn, không thể liễu tri các hạnh trang nghiêm cõi nước,

如來應正遍知。

Như Lai ứng Chánh-biến-Tri.

xin đức Như Lai Ứng Chánh Biến Tri

願為宣說諸佛刹土莊嚴之事。時世自在王如來。

nguyện vì tuyên thuyết chư Phật sát độ trang nghiêm chi sự. thời Thế tụ tại Vương Như Lai.

vì con mà tuyên thuyết các việc của cõi nước trang nghiêm. Bấy giờ Thế Tụ Tại Vương Như Lai

即為宣說八十四百千俱胝那由佛刹功德莊嚴廣大圓滿之相。

tức vì tuyên thuyết bát thập tứ bách thiên câu chi na do Phật sát công đức trang

niêm quảng Đại viên mãn chi tướng.

liền tuyên thuyết tướng viên mãn rộng lớn, công đức trang nghiêm của tám mươi bốn cõi nước Phật,

經於一劫方可究竟。爾時阿難聞是事已。

Kinh u nhất kiếp phương khả cứu cánh. nhĩ thời A-nan văn thị sự dĩ.

trải qua một kiếp mới xong. Bấy giờ ngài A-nan nghe xong,

白佛言。世尊。

bạch Phật ngôn. Thế tôn.

bạch Phật rằng, thưa Thế Tôn !

彼世自在王佛壽量長短云何說土經於一劫。佛告阿難。彼佛壽命滿四十劫。

bỉ Thế tụ tại Vương Phật thọ lượng trường đoản vân hà thuyết độ Kinh u nhất

kiếp. Phật cáo A-nan. bỉ Phật thọ mạng mãn tứ thập kiếp.

Đức Phật Thế Tụ Tại Vương thọ mạng lâu dài, tại sao lại nói trải qua một kiếp? Phật

bảo A-nan: Đức Phật đó thọ mạng đủ bốn mươi kiếp.

阿難。彼作法苾芻。

A-nan. bỉ tác Pháp bật sô.

A-nan và Tác Pháp Tỳ-kheo

聞佛所說八十四百千俱胝那由他佛刹功德莊嚴之事。

văn Phật sở thuyết bát thập tứ bách thiên câu chi na-do-tha Phật sát công đức trang nghiêm chi sự.

nghe Phật nói các công đức trang nghiêm của tám mươi bốn vạn cõi nước Phật,

明了通達如一佛刹。即時會中頭面禮足。辭佛而退。

minh liễu thông đạt như nhất Phật sát. tức thời hội trung đầu lễ túc từ Phật nhi thời hiểu rõ thông suốt như một cõi nước Phật, liền đánh lễ dưới chân đức Thế tôn, rồi lui ra,

往一靜處獨坐思惟。修習功德莊嚴佛刹。

vãng nhất tĩnh xử độc tọa tư duy. tu tập công đức trang nghiêm Phật sát.

ngôi yên lặng một bên suy nghĩ. Sau đó phát tâm tu tập công đức trang nghiêm cõi nước Phật,

發大誓願經於五劫。爾時作法苾芻。

phát Đại thệ nguyện Kinh u ngũ kiếp. nhĩ thời tác Pháp bật sô.

phát đại thệ nguyện, tu tập như thế trải qua năm kiếp. Bấy giờ Tác Pháp Tỳ-kheo
復詣世自在王如來所。五體投地禮世尊足。禮已合掌。

phục nghê Thế tự tại Vương Như Lai sờ. ngũ thể đầu địa lễ Thế tôn túc. lễ dĩ hợp
chương.

lại đến chỗ Thế Tự Tại Vương Như Lai, năm vóc gieo sát đất đánh lễ Thế Tôn,
白佛言。世尊。

bạch Phật ngôn. Thế tôn.

rồi bạch Phật rằng, thưa Thế Tôn!

如是八十四百千俱胝那由他佛刹。功德莊嚴所行行願。我今成就。

như thị bát thập tứ bách thiên câu chi na-do-tha Phật sát. công đức trang nghiêm sở
hạnh hành nguyện. ngã kim thành tựu.

như vậy tám mươi bốn vạn na do tha cõi nước Phật, đều là công đức trang nghiêm sở
hành hạnh nguyện. Nay Ta mới thành tựu

時世自在王如來告苾芻言。善哉善哉。

thời Thế tự tại Vương Như Lai cáo bạt sô ngôn. Thiện tai Thiện tai.

Bấy giờ Thế Tự Tại Vương Như Lai bảo Tỳ-kheo: Lành thay lành thay!

汝之行願思惟究竟。今正是時為眾解說。時諸菩薩。

nhữ chi hành nguyện tư duy cứu cánh. kim chánh thị thời vi chúng giải thuyết thời chu
Bồ-tát.

hạnh nguyện tư duy của ông thật rất ráo, nay đúng thời vì chúng giải nói. Bấy giờ các
Bồ-tát

聞是法已得大善利。能於佛刹修習莊嚴。

văn thị Pháp dĩ đắc Đại thiện lợi. năng ư Phật sát tu tập trang nghiêm.

nghe Pháp rồi được đại lợi ích, có thể ở trong cõi Phật, tu tập các công đức trang
nghiêm.

爾時作法苾芻。聞佛聖旨。

nhĩ thời tác Pháp bạt sô. văn Phật Thánh chỉ.

Bấy giờ Tác Pháp Tỳ-kheo nghe Phật chỉ dạy,

偏袒右肩右膝著地。合掌向佛即為宣說。世尊。我發誓言。

Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa. hợp chương hướng Phật túc vi tuyên thuyết. Thế
tôn. ngã phát thệ ngôn.

bày vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay hướng về phía Phật thưa, thưa
Thế Tôn! con phát lời nguyện,

願如世尊證得阿耨多羅三藐三菩提。

nguyện như Thế tôn chứng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề.

nguyện khi Như Lai Thế Tôn chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

所居佛刹。具足無量不可思議功德莊嚴。

sở cư Phật sát. cụ túc vô lượng bất khả tư nghị công đức trang nghiêm

cõi nước Chu Phật đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn,

所有一切眾生。及焰摩羅界。三惡道中地獄餓鬼畜生。

sở hữu nhất thiết chúng sanh. cập diệm ma la giới. tam ác đạo trung Địa-ngục ngạ quỷ
súc sanh.

tất cả chúng sanh và cõi A-tu-la, cùng ba ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh,

皆生我刹受我法化。

giai sanh ngã sát thọ ngã Pháp hóa.

đều sanh trong nước con, tiếp thọ Pháp con giáo hóa,

不久悉成阿耨多羅三藐三菩提。一切皆得身真金色。

bất cừ tất thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. nhất thiết giai đắc thân chân kim sắc.

chẳng lâu sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tất cả đều được thân sắc vàng ròng.

世尊。我得菩提成正覺已。

Thế tôn. ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ.

Thưa Thế Tôn! Sau khi con đắc Bồ-đề, thành Chánh Giác,

十方世界所有眾生。令生我剎如諸佛土。人天之眾。

thập phương thế giới sở hữu chúng sanh. lệnh sanh ngã sát như chư Phật độ. nhân Thiên chi chúng.

nguyện cho chúng thiên nhơn trong mười phương cõi nước sanh vào trong cõi nước con như cõi Phật,

遠離分別諸根寂靜。

viễn li phân biệt chư căn tịch tĩnh.

xa lìa phân biệt, các căn tịch tĩnh,

悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。

tất giai lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn. ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ.

đều khiến đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bạch Thế Tôn! nguyện sau con đắc Bồ-đề thành Chánh Giác rồi,

十方世界所有眾生。令生我剎得大神通。

thập phương thế giới sở hữu chúng sanh. lệnh sanh ngã sát đắc Đại Thần thông.

nguyện cho hết thầy chúng sanh trong mười phương thế giới sanh vào trong cõi nước con, đều được đại thần thông,

經一念中周遍巡歷百千俱胝那由他佛剎。

Kinh nhất trung châu biến tuần lịch bách thiên câu chi na-do-tha Phật sát.

trong một niệm, có thể đi khắp na-do-tha cõi Phật,

供養諸佛深植善本。悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

cung dưỡng chư Phật thâm thực thiện bản. tất giai lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn.

cúng dường chư Phật, sâu trồng gốc thiện, thầy đều khiến đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa Thế tôn!

我得菩提成正覺已。所有眾生令生我剎。

ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ. sở hữu chúng sanh lệnh sanh ngã sát

sau khi con đắc Bồ-đề thành Chánh Giác, nguyện hết thầy chúng sanh khiến đều sanh trong nước con,

一切皆得宿命通。

nhất thiết giai đắc tú mạng thông.

tất cả đều được Túc mạng thông,

能善觀察百千俱胝那由他劫過去之事。

năng thiện quan sát bách thiên câu chi na-do-tha kiếp quá khứ chi sự

hay khéo quan sát các việc trong na-do-tha kiếp quá khứ,

悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提。成正覺已。

tất giai lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn. ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ.

con khiến cho tất cả chúng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa Thế Tôn! sau khi con đắc Bồ-đề thành Chánh Giác,

所有眾生令生我剎。一切皆得清淨天眼。

sở chúng sanh lệnh sanh ngã sát. nhất thiết giai đắc thanh tịnh Thiên nhãn

nguyện cho các chúng sanh đều sanh vào cõi nước của con, tất cả đều được thiên nhân thanh tịnh,

能見百千俱胝那由他世界麤細色相。

năng kiến bách thiên câu chi na-do-tha thể giới thô tế sắc tướng。

có thể thấy được sắc tướng thô tế trong na do tha cõi nước,

悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。

tất giai lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。Thế tôn。ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ。

đều khiến được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。Thưa Thế Tôn! Sau khi con đắc Bồ-đề thành Chánh Giác,

所有眾生令生我剎。一切皆得他心通。

sở hữu chúng sanh lệnh sanh ngã sát。nhất thiết giai đắc tha tâm thông。

nguyện cho các chúng sanh đều sanh trong cõi nước con, tất cả đều được Tha tâm thông,

善能了知百千俱胝那由他眾心心所法。

thiện năng liễu tri bách thiên câu chi na-do-tha chúng tâm tâm sở Pháp。

khéo hay liễu tri các tâm pháp và tâm sở pháp trong úc na-do-tha,

悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

tất giai lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。Thế tôn。

đều khiến đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。Thưa Thế Tôn!

我得菩提成正覺已。所有眾生令生我剎。

ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ。sở hữu chúng sanh lệnh sanh ngã sát

sau khi con đắc Bồ-đề thành Chánh Giác, nguyện cho các chúng sanh sanh vào trong cõi nước của con,

一切皆得住正信位。離顛倒想堅固修習。

nhất thiết giai đắc trụ chánh tín vị。ly diên đảo tưởng kiên cố tu tập

tất cả đều được trụ vào ngôi chánh tín, xa lìa diên đảo tưởng, kiên cố tu tập,

悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。

tất giai lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。Thế tôn。ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ。

tất cả đều khiến thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。Thưa Thế Tôn! sau khi Con đắc Bồ-đề, thành Chánh Giác,

所有眾生令生我剎。所修正行善根無量。

sở hữu chúng sanh lệnh sanh ngã sát。sở tu chánh hành thiện căn vô lượng

nguyện cho các chúng sanh sanh vào trong cõi nước con, tu vô lượng chánh hạnh thiện căn,

遍圓寂界而無間斷。

biến viên tịch giới nhi vô gián đoạn。

biến khắp cõi nước tịch tịnh không gián đoạn,

悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。

tất giai lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。Thế tôn。ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ。

đều khiến đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。Thưa Thế Tôn! Sau khi con đắc Bồ-đề thành Chánh Giác,

所有眾生令生我剎。雖住聲聞緣覺之位。

sở hữu chúng sanh lệnh sanh ngã sát。tuy trụ Thanh văn Duyên giác chi vị

nguyện cho các chúng sanh đều sanh vào trong cõi nước con, tuy trụ vào quả vị Thanh văn Duyên giác,

往百千俱胝那由他寶剎之內。遍作佛事。

vãng bách thiên câu chi na-do-tha bảo sát chi nội。biến tác Phật sự。

cũng đến trong trăm ngàn ức na-do-tha cõi nước, khắp làm Phật sự,
悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。
tất giai lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。Thế tôn。ngã đắc Bồ-đề thành Chánh
Giác dĩ。
đều khiến đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。Thưa Thế Tôn, sau khi con đắc bồ Bồ-đề
, thành Chánh Giác ,
所有眾生令生我剎。一切皆得無邊光明。
sở hữu chúng sanh lệnh sanh ngã sát nhất thiết giai đắc vô biên quang-minh。
nguyện chúng sanh sanh vào trong cõi nước con, tất cả đều đợc vô biên hào quang,
而能照曜百千俱胝那由他諸佛剎土。
nhi năng chiếu diệu bách thiên câu chi na-do-tha chư Phật sát độ。
chiếu sáng rực trăm ngàn ức na-do-tha cõi nước của chư Phật,
悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。
tất giai lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。Thế tôn。
đều khiến thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。Thưa Thế Tôn!
我得菩提成正覺已。所有眾生令生我剎。命不中天。
ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ。sở hữu chúng sanh lệnh sanh ngã sát。mạng bất
trung yêu。
sau khi con đắc Bồ-đề thành Chánh Giác, khiến cho các chúng sanh vào trong cõi nước
con, không bị yếu mạng,
壽百千俱胝那由他劫。
thọ bách thiên câu chi na-do-tha kiếp。
thọ mạng lâu dài trăm ngàn ức na-do-tha kiếp,
悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。
tất giai lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。Thế tôn。ngã đắc Bồ-đề thành Chánh
Giác dĩ。
đều khiến đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。Thưa Thế Tôn! sau khi con đắc Bồ-đề,
thành Chánh Giác,
所有眾生令生我剎。無不善名。
sở hữu chúng sanh lệnh sanh ngã sát。vô bất thiện danh。
nguyện cho các chúng sanh đều sanh vào trong cõi nước con, không ai không tu hành
thiện pháp,
聞無量無數諸佛剎土。無名無號無相無形。無所稱讚。
văn vô lượng vô số chư Phật sát độ。vô danh vô hiệu vô tướng vô hình。vô sở xưng tán。
nghe vô lượng vô số cõi nước chư Phật, đối với các pháp vô danh, vô hiệu, vô tướng,
vô hình, vô sở xưng tán,
而無疑謗身心不動。
nhi vô nghi báng thân tâm bất động。
thì không nghi ngờ phi báng, thân tâm bất động,
悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。
tất giai lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。Thế tôn。ngã đắc Bồ-đề thành Chánh
Giác dĩ。
đều khiến đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。Thưa Thế Tôn! sau khi con đắc Bồ
đề, thành Chánh Giác,
所有眾生求生我剎。念吾名號發志誠心堅固不退。
sở hữu chúng sanh cầu sanh ngã sát。niệm ngô danh hiệu phát chí thành tâm kiên cố bất
thối。
nguyện cho các chúng sanh sanh vào trong cõi nước con, niệm danh hiệu con, phát tâm
chí thành, kiên cố không thối chuyển,

彼命終時。我令無數苾芻現前圍繞來迎此人。

bỉ mạng chung thời lệnh vô số bát sô hiện tiền vây quanh lai nghênh bỉ nhân.
người ấy khi mạng chung, con khiến vô số Tỳ-kheo vây quanh trước người đó,
經須臾間得生我刹。

Kinh tu du gian đắc sanh ngã sát.
trong giây lát liền sanh qua cõi nước con,
悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。

tất giai lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn. ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ.

đều khiến đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa Thế Tôn! Sau khi con đắc Bồ-đề ,
thành Chánh Giác,

所有十方無量無邊。無數世界一切眾生。

sở hữu thập phương vô lượng vô biên. vô số thế giới nhất thiết chúng sanh.
nguyện cho chúng sanh mười phương vô lượng vô biên vô số thế giới,

聞吾名號發菩提心。種諸善根隨意求生。

văn ngô danh hiệu phát Bồ-đề tâm. chúng chũ thiện căn tùy ý cầu sanh
khi nghe danh hiệu con liền phát Bồ-đề tâm, trồng các căn lành, thọ sanh tùy nguyện,
諸佛刹土無不得生。悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。

chũ Phật độ vô bất đắc sanh. tất giai lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề sanh
vào trong cõi nước của chũ Phật, đều khiến thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

世尊。我得菩提成正覺已。

Thế tôn. ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ.

Thưa Thế Tôn! Con sau khi đắc Bồ-đề, thành Chánh Giác,

所有眾生令生我刹。皆具三十二種大丈夫相。

sở hữu chúng sanh lệnh sanh ngã sát giai cụ tam thập nhị chủng Đại trượng phu tướng
nguyện cho các chúng sanh đều sanh vào trong cõi nước con, đều đủ ba mươi hai tướng
đại trượng phu,

一生令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。

nhất sanh lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn. ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ.

vừa sanh vào liền khiến được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa Thế Tôn! sau khi
con đắc Bồ-đề, thành Chánh Giác,

所有眾生令生我刹。

sở hữu chúng sanh lệnh sanh ngã sát.

nguyện cho các chúng sanh sanh vào trong cõi nước con,

若有大願未欲成佛為菩薩者。我以威力。令彼教化一切眾生。

nhược hữu Đại nguyện vị dục thành Phật vi Bồ-tát giả. ngã dĩ uy lực lệnh bỉ giáo hóa
nhất thiết chúng sanh.

nếu có đại nguyện chưa muốn thành Phật mà chỉ làm Bồ-tát, con dùng oai lực khiến kia
giáo hoá tất cả chúng sanh,

皆發信心。修菩提行。普賢行。寂滅行。

giai phát tín tâm. tu Bồ-đề hành. Phổ Hiền hành. tịch diệt hành.

đều phát tín tâm, tu Bồ-đề hạnh, Phổ Hiền hạnh, Tịch Diệt hạnh,

淨梵行最勝行。及一切善行。

tịnh phạm hành tối thắng hành. cập nhất thiết thiện hành.

Tịnh Phạm hạnh, Tối Thắng hạnh, và tất cả thiện hạnh,

悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。

tất giai lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn. ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ.

đều khiến đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa Thế Tôn! Sau khi con đấng Bồ-đề, thành Chánh Giác, 所有眾生令生我剎。

sở hữu chúng sanh lệnh sanh ngã sát.

nguyện cho các chúng sanh đều sanh vào trong cõi nước con,

於一切處承事供養無量百千俱胝那由他諸佛。種諸善根。

ư nhất thiết xử thừa sự cung dưỡng vô lượng bách thiên câu chi na-do-tha chu

Phật. chúng chu thiện căn.

trong tất cả mọi nơi đều thừa sự cúng dường vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha cõi nước chu Phật, trồng các căn lành,

隨意所求無不滿願。悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。

tùy ý sở cầu vô bất mãn nguyện. tất giai lệnh đấng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề

nguyện cầu điều gì cũng mãn nguyện, đều khiến đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

世尊。我得菩提成正覺已。我剎土中所有菩薩。

Thế tônngã ồ đề thành Chánh Giác dĩ. ngã sát độ trung sở hữu Bồ-tát.

Thưa Thế Tôn! sau khi con đấng Bồ-đề, thành Chánh Giác, nguyện cho tất cả Bồ-tát trong cõi nước con,

皆得成就一切智慧。善談諸法祕要之義。

giai đấng thành tựu nhất thiết trí huệ, thiện đàm chu Pháp bí yếu chi nghĩa

đều được thành tựu Nhất thiết trí huệ, giỏi luận đàm nghĩa bí yếu của các pháp,

不久速成阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

bất cửu tốc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn.

chẳng lâu sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa Thế Tôn!

我得菩提成正覺已。我居寶剎所有菩薩。

ngã đấng Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ. ngã cư bảo sát sở hữu Bồ-tát.

sau khi con đấng Bồ-đề thành Chánh Giác, các Bồ-tát trong cõi nước con

發勇猛心運大神通。往無量無邊無數世界諸佛剎中。

phát dũng mãnh tâm vận Đại Thần thông. vãng vô lượng vô biên vô số thế giới chu Phật sát trung.

đều phát tâm dũng mãnh, vận đại thần thông, đến vô lượng vô biên vô số thế giới cõi nước chu Phật,

以真珠瓔珞。寶蓋幢幡。衣服臥具。

dĩ chân châu anh lạc. bảo cái tràng phiên. y phục ngoại cụ.

đem chân châu anh lạc, bảo cái tràng phang, y phục ngoại cụ,

飲食湯藥。香華伎樂。供養承事迴求菩提。

ẩm thực thang dược. hương hoa kĩ nhạc. cung dưỡng thừa sự hồi cầu Bồ-đề

đồ ăn uống thuốc thang, hương hoa kĩ nhạc cúng dường hồi hướng Bồ-đề,

速得成就阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

tốc đấng thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn.

mau thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa Thế Tôn!

我得菩提成正覺已。我居寶剎所有菩薩。發大道心。

ngã đấng Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ ngã cư bảo sát sở hữu Bồ-tát. phát Đại Đạo tâm

sau khi con thành tựu Bồ-đề đấng Chánh Giác, trong cõi nước con, các Bồ-tát đều phát Đại Đạo tâm,

欲以真珠瓔珞。寶蓋幢幡衣服臥具。飲食湯藥。

dục dĩ chân châu anh lạc. bảo cái tràng phiên y phục ngoại cụ. ẩm thực thang dược.

đều muốn dùng chân châu anh lạc, bảo cái tràng phang, y phục ngoại cụ, đồ ăn uống thuốc thang,

香華伎樂。

hương hoa kĩ nhạc。

hương hoa kĩ nhạc,

chở sự cúng dường tha phương thế giới vô lượng vô biên chư Phật Thế tôn. nhi bất

năng vãng. ngã ư nhi thời dĩ tú nguyện lực.

thừa sự cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Thế Tôn trong các cõi nước, cúng dường như vậy mà không chấp trước. Bây giờ con dùng nguyện lực

令彼他方諸佛世尊。

lệnh bỉ tha phương chư Phật Thế tôn.

khiến chư Phật Thế Tôn trong các cõi nước,

各舒手臂至我刹中受是供養。令彼速成阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

các thu thủ tứ chí ngã sát trung thọ thị cúng dường. lệnh bỉ tức thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn.

đều dơ cánh tay đến trong cõi nước con thọ nhận sự cúng dường, khiến mau thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thừa Thế Tôn!

我得菩提成正覺已。我居寶刹所有菩薩。

ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ. ngã cư bảo sát sở hữu Bồ-tát.

sau khi con đắc Bồ-đề, thành Chánh Giác, các Bồ-tát trong cõi nước con ở,

隨自意樂不離此界。欲以真珠瓔珞。寶蓋幢幡。

tùy tự ý lạc bất ly thủ dục dĩ chân châu anh lạc. bảo cái tràng phiên.

tùy theo chỗ ở thường an lạc, không xa lìa cảnh giới ấy, con muốn dùng chân châu anh lạc, bảo cái tràng phang,

衣服臥具。飲食湯藥。香華伎樂。

ý phục ngoạn cụ. ẩm thực thang dược. hương hoa kĩ nhạc.

ý phục ngoạn cụ, đồ ăn uống thuốc thang, hương hoa kĩ nhạc,

供養他方無量諸佛。又復思惟。如佛展臂至此受供。

cung dường tha phương vô lượng chư Phật. hựu phục tư duy. như Phật triển tứ chí thủ thọ cúng.

cúng dường vô lượng chư Phật cõi nước khác. Lại suy nghĩ, nếu như Phật dơ cánh tay đến đây thọ cúng,

劬勞諸佛令我無益。作是念時。我以神力。

cù lao chư Phật lệnh ngã vô ích. tác thị niệm thời. ngã dĩ Thần lực.

thì nhọc nhằn chư Phật, làm cho con không có lợi ích gì. Liên nghĩ rằng, con dùng thần lực

令此供具自至他方諸佛面前。一一供養。

lệnh thủ cúng cụ tự chí tha phương chư Phật diện tiền. nhất nhất cúng dường.

khiến cho các đồ cúng tự đến trước chư Phật trong các cõi nước, mỗi mỗi cúng dường.

爾時菩薩。不久悉成阿耨多羅三藐三菩提。

nhi thời Bồ-tát. bất cửu tất thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề.

Bây giờ các Bồ-tát không lâu đều thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

世尊。我得菩提成正覺已。我居寶刹所有菩薩。

Thế tôn ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ ngã cư bảo sát sở hữu Bồ-tát.

Thừa Thế Tôn! Sau khi con đắc Bồ-đề, thành Chánh Giác, các Bồ-tát trong cõi nước con thân dài十六由旬。得那羅延力。

thân trường thập lục do-tuần. đắc na la duyên lực.

đều được thân dài mười sáu do tuần, được sức mạnh như Na La Diên,

身相端嚴光明照曜。善根具足。成就阿耨多羅三藐三菩提。

thân tướng đoan nghiêm quang-minh chiếu diệu. thiện căn cụ túc. thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề.

thân tướng đoan trang, hào quang chiếu sáng, thiện căn đầy đủ, thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

世尊我得菩提成正覺已。

Thưa Thế tôn! ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ。

Thưa Thế Tôn! Con sau khi được Bồ-đề, thành Chánh Giác,

我居寶剎所有菩薩。為諸眾生通達法藏。

ngã cư bảo sát sở hữu Bồ-tát。vi chu chúng sanh thông đạt Pháp tạng。

nguyện cho các Bồ-tát trong cõi nước con khiến các chúng sanh thông đạt Pháp tạng,

安立無邊一切智慧斷盡諸結悉得證成阿耨多羅三藐三菩提。

an lập vô biên nhất thiết trí tuệ đoạn tận chu kết tất đắc chúng thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。

an lập vô biên nhất thiết trí huệ, chặt đứt các kiết phược, chúng thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。

世尊。我得菩提成正覺已。

Thế tôn。ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ。

Thưa Thế Tôn! Con sau khi đắc Bồ-đề thành Chánh Giác,

我居寶剎所有菩薩。以百千俱胝那由他種種珍寶造作香爐。

ngã cư bảo sát sở hữu Bồ-tát。dĩ bách thiên câu chi na-do-tha chủng chủng trần bảo tạo tác hương lô。

nguyện cho các Bồ-tát trong cõi nước con đem châu báu trong trăm ngàn ức na do tha cõi nước làm lò hương,

下從地際上空界。常以無價栴檀之香。

hạ tòng địa thượng chí không giới。thường dĩ vô giá chiên đàn chi hương。

dưới từ cõi người cho đến cõi trời, thường dùng hương chiên đàn vô giá,

普薰供養十方諸佛。

phổ huân cung dưỡng thập phương chư Phật。

khắp cúng dường mười phương chư Phật,

令得速成阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。

lệnh đắc tốc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。Thế tôn。ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ。

khiến mau thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。Thưa Thế Tôn! Sau khi con đắc Bồ-đề, thành Chánh Giác,

所居佛剎廣博嚴淨光瑩如鏡。

sở cư Phật sát quảng bác nghiêm tịnh Quang oánh như kính。

thì các cõi nước Phật đều nghiêm tịnh, sáng sạch như gương,

悉能照見無量無邊一切佛剎。眾生覩者生希有心。

tất năng chiếu kiến vô lượng vô biên nhất thiết Phật sát。chúng sanh đồ giả sanh hi hữu tâm。

chiếu soi vô lượng vô biên tất cả cõi nước Phật, chúng sanh thấy rồi lòng sanh quý hiếm,

不久速成阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。

bất cửu tốc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。Thế tôn。ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ。

không lâu sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。Thưa Thế Tôn! sau khi con đắc Bồ-đề, thành Chánh Giác,

我居寶剎所有菩薩。晝夜六時恒受快樂。

ngã cư bảo sát sở hữu Bồ-tát。trú dạ lục thời hằng thọ khoái lạc。

thì các Bồ-tát trong cõi nước con ở, ngày đêm sáu thời thường an vui

過於諸天。入平等總持門。身光普照無邊世界。

quá u chu Thiên, nhập bình đẳng tổng trì môn, thân quang phổ chiếu vô biên thế giới
hơn cả chu Thiên, nhập Bình đẳng Tổng trì Môn, thân chói ánh sáng khắp soi vô biên
thế giới,

不久得成阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

bất cừu đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn.
không lâu sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa Thế Tôn!

我得菩提成正覺已。所有十方無量無邊。

ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ. sở hữu thập phương vô lượng vô biên
sau khi con đắc Bồ-đề thành Chánh Giác, mong sao cho tất cả nữ nhân trong mười phương
vô lượng vô biên thế giới,

無數世界一切女人。若有厭離女身者。

vô số thế giới nhất thiết nữ nhân. nhược hữu yếm ly nữ thân giả,
nếu có lòng nhàm chán thân gái,

聞我名號發清淨心歸依頂禮。

văn ngã danh hiệu phát thanh tịnh tâm quy y đỉnh lễ.
nghe danh hiệu con, liền phát thanh tịnh tâm quy y đánh lễ,

彼人命終即生我剎成男子身。悉皆令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

bỉ nhân mạng chung tức sanh ngã sát thành nam tử thân. tất giai lệnh đắc a nậu đa la
tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn.

người nữ đó mạng chung sẽ sanh vào cõi nước con, biến thành nam tử, con sẽ khiến đắc
Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa Thế Tôn!

我得菩提成正覺已。所有十方無量無邊。

ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ. sở hữu thập phương vô lượng vô biên.
sau khi con đắc Bồ-đề, thành Chánh Giác, thì Thanh văn Duyên giác trong mười phương
vô lượng vô biên

無數佛剎聲聞緣覺。聞我名號修持淨戒。

vô số Phật sát văn Duyên giác. văn ngã danh hiệu tu trì tịnh giới.
vô số cõi Phật khi nghe danh hiệu con, phát tâm tu trì tịnh giới,

堅固不退速坐道場。成就阿耨多羅三藐三菩提。

kiên cố bất thoái tốc tọa đạo trường thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề.
kiên cố không thoái chuyển, mau đến chốn đạo tràng, thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng
Chánh Giác .

世尊。我得菩提成正覺已。

Thế tôn. ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ.
Thưa Thế Tôn! Sau khi con đắc Bồ-đề, thành Chánh Giác,

所有十方無量無邊。不可思議無等佛剎一切菩薩。

sở hữu thập phương vô lượng vô biên. bất khả tu nghị vô đẳng Phật sát nhất thiết Bồ-
tát.

nguyện cho tất cả Bồ-tát trong mười phương vô lượng vô biên cõi nước không thể nghĩ
bàn,

聞我名號五體投地禮拜歸命。

văn ngã danh hiệu ngũ thể đầu địa lễ bái quy mạng.
khi nghe danh hiệu con, năm vóc gieo sát đất lễ bái quy mạng,

復得天上人間一切有情。尊重恭敬親近侍奉增益功德。

phục đắc Thiên thượng nhân gian nhất thiết hữu tình. tôn trọng cung kính thân cận thị
phụng tặng ích công đức.

lại được tất cả hữu tình trong cõi nhân gian và cõi trời đều tôn trọng cung kính gần
gũi phụng sự, nhờ đó mà tăng trưởng lợi ích công đức,

成就阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。

thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn, ngã đắc Bồ-đề thành Chánh Giác dĩ.
thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thừa Thế Tôn! sau khi con đắc Bồ-đề, thành
Chánh Giác,

所有眾生發淨信心。為諸沙門婆羅門。

sở hữu chúng sanh phát tịnh tín tâm. vì chư Sa Môn Bà-la-môn.
nguyện cho tất cả chúng sanh đều phát tịnh tín tâm, vì các Sa Môn, Bà La môn
染衣洗衣裁衣縫衣修作僧服。

nhiễm y tẩy y tài y phùng y tu tác tăng phục.
làm các phước điền như nhuộm áo, giặt áo, cắt may áo,

或自手作或使人作。作已迴向。是人所感。

hoặc tự thủ hoặc sử nhân tác. tác dĩ hồi hướng. thị nhân sở cảm.
hoặc tự tay làm hoặc khiến người khác làm, xong rồi hồi hướng cho người. Nhờ công đức
này

八十一生得最上衣隨身豐足。於最後身來生我剎。

bát thập nhất sanh đắc tối thượng y tùy thân phong túc. u tối hậu thân lai sanh ngã
sát.

mà trong tám mươi một đời được y áo dư dật tối thượng, trong kiếp cuối cùng sanh vào
cõi nước con,

成就阿耨多羅三藐三菩提。

thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề.
thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

佛說大乘無量壽莊嚴經卷上

Phật thuyết Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh quyển thượng

Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh

Quyển Thượng.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch Sun
Apr 30 22:02:03 2006

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM KINH Quyển Trung

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 363

Hán dịch: Đại Sư Pháp Hiền
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tấn & Nguyễn Hiền
Việt dịch: Thích Nữ Hương Trí (04-2007)
Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 363 《佛說大乘無量壽莊嚴經》CBETA 電子佛典 V1. 15 普及版

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 363 《Phật thuyết Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1. 15 phổ cập bản

【Kinh văn tu tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 363 《Phật nói Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1. 15 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 363 佛說大乘無量壽莊嚴經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1. 15, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 363 Phật thuyết Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1. 15, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 363 Phật nói Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1. 15, Normalized Version

=====

=====

=====

佛說大乘無量壽莊嚴經卷中

Phật thuyết Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh quyển trung

[Phật Thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh.](#)

[Quyển Trung](#)

西天譯經三藏朝散大夫試光祿卿明教大師臣法賢奉 詔譯

Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triều tấn Đại phu thí quang lộc khanh, Minh giáo

Đại sư Thần Pháp hiền phụng chiếu dịch

[Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triều Tấn Đại phu thí quang lộc khanh](#)

[Minh giáo Đại Sư Thần Pháp Hiền phụng chiếu dịch](#)

爾時作法苾芻白世尊言。

nhĩ thời tác Pháp bát sô bạch Thế tôn ngôn。

[Bấy giờ Tỳ-kheo Tác Pháp bạch Phật:](#)

我得菩提成正覺已。所有一切眾生。

ngã đắc Bồ- đề thành chánh giác dĩ. sở hữu nhất thiết chúng sanh。

[\(Nguyện\) sau khi con được Bồ-đề thành Chánh Giác, tất cả chúng sanh](#)

聞我名號永離熱惱心得清涼。行正信行得生我剎。

văn ngã danh hiệu vĩnh ly nhiệt não tâm đắc thanh lương hành chánh tín hành đắc sanh ngã sát。

[nghe danh hiệu con, vĩnh viễn xa lìa phiền não, tâm đắc thanh lương, thực hành chánh tín chánh hạnh, được sanh vào nước con,](#)

坐寶樹下證無生忍。成就阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

tọa bảo thụ hạ chứng vô sanh nhẫn. thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ- đề

[ngồi dưới cây báu, chúng Vô Sanh Nhẫn, thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bạch Thế Tôn!](#)

我得菩提成正覺已。所有十方一切佛剎諸菩薩眾。

ngã đắc Bồ- đề thành chánh giác dĩ. sở hữu thập phương nhất thiết Phật sát chu Bồ-tát chúng。

sau khi con đắc Bồ-đề thành Chánh Giác, tất cả Bồ-tát trong mười phương cõi Phật,

聞我名號應時證得寂靜三摩地。住是定已。

văn ngã danh hiệu ứng thời chúng đắc tịch tĩnh Tam-ma-địa. trụ thị định dĩ nghe danh hiệu con liền chúng đắc tịch tĩnh Tam-ma-địa. Trụ trong định này 於一念中。

ư nhất niệm trung。

chùng khoảng một niệm,

得見無量無邊不可思議諸佛世尊。承事供養。成就阿耨多羅三藐三菩提。

đắc kiến vô lượng vô biên bất khả tư nghị chư Phật Thế tôn. thừa sự cung dưỡng. thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。

được thấy vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn chư Phật Thế Tôn, thừa sự cúng dường, thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

世尊。我得菩提成正覺已。

Thế tôn. ngã đắc Bồ-đề thành chánh giác dĩ。

Bạch Thế Tôn! Sau khi con đắc Bồ-đề thành Chánh Giác,

所有十方一切佛刹聲聞菩薩。聞我名號證無生忍。

sở hữu thập phương nhất thiết Phật sát Thanh văn Bồ-tát. văn ngã danh hiệu chúng vô sanh nhẫn。

tất cả Thanh văn Bồ-tát trong mười phương cõi Phật, khi nghe danh hiệu con liền chúng Vô Sanh Nhẫn,

成就一切平等善根。住無功用離加行故。

thành tựu nhất thiết bình đẳng thiện căn trụ vô công dụng ly gia hành cố。

thành tựu tất cả thiện căn, trú trong Vô công dụng ly da hạnh,

不久令得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。

bất cửu lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn. ngã đắc Bồ-đề thành chánh giác dĩ。

chẳng lâu khiến đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa Thế Tôn! Sau khi con đắc Bồ-đề thành Chánh Giác,

所有十方一切佛刹諸菩薩眾。

sở hữu thập phương nhất thiết Phật sát chư Bồ-tát chúng。

tất cả chúng Bồ-tát trong mười phương cõi Phật

聞我名已生希有心。是人即得普遍菩薩三摩地。

văn ngã danh dĩ sanh hi hữu tâm. thị nhân tức đắc phổ biến Bồ-tát Tam-ma-địa nghe danh hiệu con, sanh tâm hi hữu, người này liền được Phổ Biến Bồ-tát Tam-ma-địa。

住此定已。於一念中。

trụ thử định dĩ. ư nhất niệm trung。

Ở trong định này chùng một niệm,

得至無量無數不可思議諸佛刹中。恭敬尊重供養諸佛。

đắc chí vô lượng vô số bất khả tư nghị chư Phật sát trung cung kính tôn trọng cung dưỡng chư Phật。

liền được đến trong vô lượng vô số không thể nghĩ bàn cõi nước chư Phật, cung kính tôn trọng cúng dường chư Phật,

成就阿耨多羅三藐三菩提。世尊。我得菩提成正覺已。

thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn. ngã đắc Bồ-đề thành chánh giác dĩ。

thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa Thế Tôn! Sau khi con được Bồ-đề thành Chánh Giác,

於我刹中所有菩薩。或樂說法或樂聽法。

ư ngã sát trung sở hữu Bồ-tát oặc lạc thuyết Pháp hoặc lạc thính Pháp
các Bồ-tát trong cõi nước con hoặc thích thuyết pháp, hoặc thích nghe pháp,
或現神足或往他方。隨意修習無不圓滿。

hoặc hiện Thần túc hoặc vãng tha phương tùy ý tu tập vô bất viên mãn.
hoặc hiện Thần túc hoặc đến phương khác, tùy nguyện tu tập, không gì không viên
mãn,

皆令證得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

giai lệnh chứng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. Thế tôn.

đều khiến chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thưa Thế Tôn!

我得菩提成正覺已。所有十方一切佛剎聞我名者。

ngã đắc Bồ-đề thành chánh giác dĩ. sở hữu thập phương nhất thiết Phật sát văn
ngã danh giả.

sau khi con được Bồ-đề thành Chánh Giác, tất cả cõi nước chư Phật trong mười
phương nghe tên con,

應時即得初忍二忍乃至無生法忍。

ứng thời túc đắc sơ nhẫn nhị nhẫn nãi chí vô sanh Pháp nhẫn.

liền được Sơ Nhẫn, Nhị Nhẫn cho đến Vô Sanh Pháp Nhẫn,

成就阿耨多羅三藐三菩提。爾時作法苾芻。

thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. nhĩ thời tác Pháp bạt sô.

thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lúc bấy giờ Tỳ-kheo Tác Pháp

向彼佛前發如是願已。承佛威神即說頌曰。

hướng bỉ Phật tiền phát như thị nguyện dĩ thừa Phật uy Thần túc thuyết tụng viết
hướng về Đức Phật phát lời nguyện như vậy xong, nương oai thần của Phật nói bài
kệ khen rằng:

我今對佛前,

Ngã kim đối Phật tiền,

Con nay đối trước Phật,

獲佛十力身,

Hoạch Phật thập lực thân,

Được thân Phật Thập Lực,

復為大國王,

Phục vi Đại Quốc Vương,

Lại làm Đại Quốc Vương,

廣以諸財寶,

Quảng dĩ chư tài bảo,

Rộng đem các của báu,

令彼諸群生,

Lệnh bỉ chư quần sanh,

Khiến cho các quần sanh,

出生眾善根,

Xuất sanh chúng thiện căn,

Phát sinh các thiện căn,

我若成正覺,

Ngã nhược thành chánh giác,

Nếu con thành Chánh Giác,

眾生聞此號,

chúng sanh văn thử Hiệu,

Chúng sanh nghe hiệu này,

如佛金色身,

Được sắc thân như Phật,

Thân sắc vàng như Phật,

亦以大慈心,

而發誠實願

Nhi phát thành thật nguyện

Phát thành nguyện chân thật

威德無等等

Uy đức vô đẳng đẳng

Oai đức không gì bằng

富豪而自在

Phú hào nhi tự tại

Giàu có và tự tại

普施於貧苦

Phổ thí ư bần khổ

Khắp bố thí người nghèo

長夜無憂惱

Trường dạ Vô ưu não

Đêm dài không ưu phiền

成就菩提果

Thành tựu Bồ-đề quả

Thành tựu Bồ-đề quả

立名無量壽

Lập danh Vô-Lượng-Thọ

Danh Hiệu Vô Lượng Thọ

俱來我剎中

Câu lai ngã sát trung

Đều đến cõi nước con

妙相悉圓滿

Diệu tướng đều viên mãn

Diệu tướng đều viên mãn

利益諸群品

Diệc dĩ Đại từ tâm,
 Cũng đem đại từ tâm,
 願我智慧光,
 Nguyên ngã trí tuệ quang,
 Nguyên ánh sáng trí huệ,
 除滅諸有情,
 Trừ diệt chu hữu tình,
 Trừ phiền não tham sân,
 地獄鬼畜生,
 Địa-ngục quỷ súc sanh,
 Địa Ngục, Quỷ, Súc Sanh,
 亦生我剎中,
 Diệc sanh ngã sát trung,
 Rồi sanh trong nước con,
 獲彼光明身,
 Hoạch bí quang minh thân,
 Thân được ánh quang minh,
 日月珠寶光,
 Nhật nguyệt châu bảo quang,
 Nhật nguyệt châu bảo quang,
 願我未來世,
 Nguyên ngã vị lai thế,
 Mong con ở đời sau,
 百億世界中,
 Bách ức thế giới trung,
 Trong trăm ức thế giới,
 如彼過去佛,
 Như bí quá khứ Phật,
 Như quá khứ chư Phật,
 廣無量無邊,
 Quảng vô lượng vô biên,
 Độ vô lượng vô biên,
 圓滿昔所願,
 viên mãn tích sở nguyện,
 Viên mãn sở nguyện xưa,
 發是大願時,
 Phát thị Đại nguyện thời,
 Khi phát đại nguyện này,
 震動遍十方,
 Chân động biên thập phương,
 Chân động khắp mười phương,
 散雨一切花,
 Tán vũ nhất thiết hoa,
 Mưa rải tất cả hoa,
 稱讚大苾芻,
 Xung tán Đại bát sô,
 Khen ngợi Đại Tỳ-kheo,
 決定當作佛,
 Quyết định đương tác Phật,
 Quyết định sẽ làm Phật,
 復次阿難。時作法苾芻。對世自在王如來。

phục thứ A-nan. thời tác Pháp bát sô. đối Thế tự tại Vương Như Lai.
 Lại nữa này A-nan! bây giờ Tác Pháp Tỳ-kheo đối trước Thế Tự Tại Vương Như Lai,

Lợi ích chư quần phẩm
 Lợi ích các quần sanh,
 廣照十方刹
 Quảng chiếu thập phương sát
 Chiếu khắp mười phương cõi
 貪瞋煩惱闇
 Tham sân phiền não ám
 Cho tất cả chúng sanh
 悉捨三塗苦
 Tất xả tam đồ khổ
 Đoạn tận tam đồ khổ
 修習清淨行
 Tu tập thanh tịnh hành
 Tu tập thanh tịnh hạnh
 如佛普照曜
 Như Phật phổ chiếu diệu
 Như Phật chiếu khắp cùng
 其明不可比
 Kỳ minh bất khả bi
 Ánh sáng không gì sánh
 常作天人師
 Thường tác Thiên Nhơn Sư
 Thường làm thầy trời người
 而作師子吼
 Nhi tác Sư-tử hống
 Thường làm Sư tử hống
 所行慈愍行
 Sở hạnh từ mẫn hành
 Tu tập hạnh từ mẫn
 俱胝諸有情
 Câu chi chư hữu tình
 Cõi nước các hữu tình
 一切皆成佛
 Nhất thiết giai thành Phật
 Tất cả đều thành Phật
 三千大千界
 Tam thiên Đại Thiên giới
 Ba ngàn đại Thiên giới
 天人空界中
 Thiên nhân không giới trung
 Trong cõi chúng Trời người
 栴檀及沈水
 Chiên đàn cập trầm thủy
 Chiên đàn và trầm thủy
 願力甚希有
 Nguyên lực thậm hi hữu
 Nguyên lực rất hi hữu
 廣利眾生界
 Quảng lợi chúng sanh giới
 Rộng lợi ích chúng sanh.

及天人魔梵沙門婆羅門阿修羅等。

cập Thiên Nhơn ma phạm Sa Môn Bà-la-môn A-tu-La đấng.
cùng Thiên Nhơn Ma Phạm Sa-môn Bà-la-môn, A-tu-la v.v.

發是願已住真實慧。勇猛精進。修習無量功德。

phát thị nguyện dĩ trụ chân thật tuệ dũng mãnh tinh tấn tu tập vô lượng công đức
phát xong đại nguyện này, an trú chân thật tuệ, dũng mãnh tinh tấn, tu tập vô
lượng công đức,

莊嚴佛剎入三摩地。歷大阿僧祇劫。修菩薩行。

trang nghiêm Phật sát nhập Tam-ma-địa. lịch Đại a tăng kì kiếp. tu Bồ-tát hành
trang nghiêm cõi Phật, nhập Tam-ma-địa, trải qua Đại A-tăng-kì kiếp, tu Bồ-tát
hạnh,

不生慳貪心瞋恚心愚癡心。

bất sanh khan tham tâm sân khuê tâm ngu si tâm.

không sanh tâm xan tham, tâm sân nhuê, tâm ngu si,

亦無欲想瞋想癡想色聲香味觸想。心不迷亂。口不瘖瘂。

diệc vô dục tưởng sân tưởng si tưởng sắc thanh hương vị xúc tưởng. tâm bất mê
loạn. khẩu bất âm á.

cũng không có các dục tưởng, sân tưởng, si tưởng, sắc, thanh, hương, vị, xúc,
tưởng tâm không mê loạn, miệng không âm ó,

身不懈怠。

thân bất giải đãi.

thân chẳng giải đãi,

但樂憶念過去諸佛所修善根行寂靜行。遠離虛妄堅守律儀。

đãn lạc ức niệm quá khứ chư Phật sở tu thiện căn hành tịch tĩnh hành. viễn li hu
vọng kiên thủ luật nghi.

chỉ thích nhớ niệm các thiện căn và tịch tịnh hạnh của chư Phật trong quá khứ,
xa lìa hu vọng, giữ kỹ giới luật và oai nghi,

常以愛語饒益眾生。於佛法僧信重恭敬調順柔軟。

thường dĩ ái ngữ nhiêu ích chúng sanh. ư Phật Pháp tăng tín trọng cung kính điều
thuận nhu nhuễn.

thường dùng ái ngữ lợi ích chúng sanh, ở trong Phật Pháp Tăng, tín trọng cung
kính, tùy thuận mềm mỏng,

依真諦門植眾德本。了空無相無願無為無生無滅。

ỷ chân đế môn thực chúng đức bản liễu không vô tướng vô nguyện vô vi vô sanh vô
diệt

nuông chân đế gieo trồng các đức, hiểu rõ không, vô tướng, vô nguyện, vô vi, vô
sanh, vô diệt,

善護口業不譏他過。善護身業不失律儀。

thiện hộ khẩu nghiệp bất kỳ tha quá. thiện hộ thân nghiệp bất thất luật nghi

khéo hộ khẩu nghiệp, không bàn lỗi người, khéo giữ thân nghiệp, không mất luật
nghi,

善護意業清淨無染。所有國城聚落。男女奴眷屬。

thiện hộ ý nghiệp thanh tịnh vô nhiễm. sở hữu quốc thành tụ lạc. nam nữ nô quyến
chúc.

khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh không nhiễm. Đối với làng xóm, nam nữ quyến thuộc,
金銀珍寶。乃至色聲香味觸等。都無所著。

kim ngân trân bảo. nãi chí sắc thanh hương vị xúc đấng. đồ vô sở trú

vàng bạc trân báu, cho đến sắc thanh hương vị xúc v.v. đều không chấp trước,

恒以布施持戒忍辱精進禪定智慧六度之

hằng dĩ ố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định trí tuệ lục độ chi

thường đem công hạnh lục độ bồ thí trì giới nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định,
行。利樂眾生。軌範具足善根圓滿。

hành lợi lạc chúng sanh quỹ phạm cụ túc thiện căn viên mãn。

lợi lạc chúng sanh, phép tắc đầy đủ, thiện căn viên mãn,

所生之處。有無量無數百千俱胝那由他珍寶之藏。

sở sanh chi xứ. hữu vô lượng vô số bách thiên câu chi na-do-tha trên bảo chi
tạng。

sanh ra nơi nào, đều có vô lượng vô số trăm ngàn na-do-tha tạng báu,
從地湧出。

tòng địa dũng xuất。

từ đất vọt lên,

攝受無量無數百千俱胝那由他眾生。發阿耨多羅三藐三菩提心。

nhiếp thọ vô lượng vô số bách thiên câu chi na-do-tha chúng sanh. phát a nậu đa
la tam miểu tam Bồ- đề tâm。

độ thoát vô lượng chúng sanh trong vô số trăm ngàn na-do-tha cõi nước, phát tâm
Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

如是之行無量無邊說不能盡。復次阿難。

như thị chi hành vô lượng vô biên thuyết bất năng tận. phục thứ A-nan.

vô lượng vô biên công hạnh như vậy nói không bao giờ hết. Lại nữa này A-nan !

作法苾芻行菩薩行時。於諸佛所尊重恭敬。

tác Pháp bát sô hành Bồ-tát hành thời. ư chư Phật sở tôn trọng cung kính

khi Tác Pháp Tỳ-kheo hành Bồ-tát hạnh, đối với chư Phật, thường tôn trọng cung
kính,

承事供養未曾間斷。為四大天王恒詣佛所。

thừa sự cung dưỡng vị tăng gian đoạn vi tứ Đại Thiên Vương hằng nghê Phật sở

thừa sự cúng dường không từng gián đoạn. Lại vì tứ Đại Thiên Vương, thường đến
chỗ, Phật,

恭敬禮拜承事供養。為忉利天王恒詣佛所。

cung kính lễ bái thừa sự cung dưỡng. vì đao lợi Thiên Vương hằng nghê Phật sở
cung kính lễ bái thừa sự cúng dường. Vì trời Đao-lợi, thường đến chỗ Phật,

恭敬禮拜承事供養。為夜摩天王。兜率天王。化樂天王。

cung kính lễ bái thừa sự cung dưỡng. vì Dạ-Ma Thiên Vương. Đâu Suất Thiên Vương
hóa lạc Thiên Vương

cung kính lễ bái thừa sự cúng dường. Lại vì Dạ Ma Thiên Vương, Đâu Suất Thiên
Vương, Hóa Lạc Thiên Vương,

他化自在天王。乃至大梵天王等。恒詣佛所。

Tha-Hoá Tự-Tại Thiên Vương. nãi chí Đại Phạm Thiên Vương đẳng. hằng nghê Phật sở

Tha Hoá Tự Tại Thiên Vương, cho đến Đại Phạm Thiên Vương, thường đến chỗ Phật,

恭敬禮拜承事供養。復次阿難。處閻浮提。

cung kính lễ bái thừa sự cung dưỡng. phục thứ A-nan. xứ Diêm-phù-đề。

cung kính lễ bái thừa sự cúng dường. Lại nữa này A-nan! nơi Diêm-phù-đề,

為轉輪王受灌頂位。及大臣官族等。

vi chuyển luân Vương thọ quán đỉnh vị. cập Đại Thần quan tộc đẳng。

vì chuyển luân Vương thọ ngôi quán đỉnh, cùng các quan Đại Thần v.v.

恒詣佛所。恭敬禮拜承事供養。為刹帝利婆羅門等。

hằng nghê Phật sở. cung kính lễ bái thừa sự cung dưỡng. vì Sát đế lợi Bà-la-môn
đẳng。

thường đến chỗ Phật, cung kính lễ bái thừa sự cúng dường. Vì Sát-đế-lợi, Bà-la-
môn v.v.

恒詣佛所。恭敬禮拜承事供養。

hàng nghệ Phật sở. cung kính lễ bái thừa sự cung dưỡng.
 thường đến chỗ Phật, cung kính lễ bái thừa sự cúng dưỡng.
 如是經無量無數百千萬億劫。親近諸佛植眾德本。
 như thị Kinh vô lượng vô số bách thiên vạn ức kiếp. thân cận chư Phật thực chúng
 đức bản.
 Như vậy trải qua vô lượng vô số trăm ngàn vạn ức kiếp, gần gũi chư Phật, trồng
 các công đức,
 所集阿耨多羅三藐三菩提。
 sở tập a nậu đa la tam miếu tam Bồ- đề.
 cho đến chúng đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
 復次阿難。作法苾芻行菩薩行時。
 phục thứ A-nan. tác Pháp bát sô hành Bồ-tát hành thời.
 Lại nữa A-nan! Khi Tác Pháp Tỳ-kheo hành Bồ-tát hạnh,
 口中常出栴檀之香。身諸毛孔出優鉢羅華香。
 khẩu trung thường xuất chiên đàn chi hương. thân chư mao khổng xuất Ưu bát la
 hoa hương.
 trong miệng thường thoảng ra mùi thơm hương chiên đàn, các lỗ chân lông trên
 thân toát ra mùi hương hoa Ưu-bát-la,
 其香普薰無量無邊不可思議那由他百千由旬。
 kỳ hương phổ huân vô lượng vô biên bất khả tu nghị na-do-tha bách thiên do-tuần
 mùi hương ấy khắp xông đến vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn na-do-tha trăm
 ngàn do-tuần.
 有情聞此香者。皆發阿耨多羅三藐三菩提心。
 hữu tình văn thử hương giả. giai phát a nậu đa la tam miếu tam Bồ-đề tâm.
 Chúng hữu tình nghe hương ấy, đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
 復次阿難。作法苾芻行菩薩行時。色相端嚴。
 phục thứ A-nan. tác Pháp bát sô hành Bồ-tát hành thời. sắc tướng đoan nghiêm.
 Lại nữa A-nan! Tác Pháp Tỳ-kheo khi hành Bồ-tát hạnh, được sắc tướng đoan trang,
 三十二相八十種好。悉皆具足。
 tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo. tất giai cụ túc.
 ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thảy đều đầy đủ.
 復以一切珍寶莊嚴兩臂。手中恒出一切衣服。一切飲食。
 phục dĩ nhất thiết trân bảo trang nghiêm lượng tỷ. thủ trung hằng xuất nhất
 thiết y phục. nhất thiết ẩm thực.
 Bồ-tát lại dùng tất cả châu, báu trang nghiêm hai cánh tay, trong tay thường
 tuôn ra nhiều, y phục, nhiều đồ ăn uống,
 一切幢幡。一切傘蓋。一切音樂。
 nhất thiết tràng phiên. nhất thiết tàn cái. nhất thiết âm lạc.
 tất cả tràng phang, tất cả dù lọng, tất cả âm nhạc,
 乃至一切最上所須之物。利樂一切眾生。
 nãi chí nhất thiết tối thượng sở tu chi vật. lợi lạc nhất thiết chúng sanh.
 cho đến tất cả đồ dùng tối thượng, lợi lạc tất cả chúng sanh,
 令發阿耨多羅三藐三菩提心。
 lệnh phát a nậu đa la tam miếu tam Bồ- đề tâm.
 khiến phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
 爾時阿難。聞佛說彼作法苾芻菩薩之行。
 nhĩ thời A-nan. văn Phật thuyết bi tác Pháp bát sô Bồ-tát chi hành.
 Lúc bấy giờ ngài A-nan nghe Phật nói Bồ-tát hạnh của Tỳ-kheo Tác Pháp,
 白世尊言。作法苾芻。為是過去佛耶。
 bạch Thế tôn ngôn. tác Pháp bát sô. vi thị quá khứ Phật da.

hỏi Thế Tôn rằng: Tác Pháp Tỳ-kheo là đức Phật đời quá khứ Phật chăng?
 未來佛耶。現在佛耶。世尊告言。彼佛如來。
 vị lai Phật da, hiện tại Phật da, Thế tôn cáo ngôn, bi Phật Như Lai,
 là đức Phật vị lai chăng, là Phật hiện tại chăng? Thế Tôn bảo: Chư Phật Như Lai,
 來無所來。去無所去。無生無滅。非過現未來。
 lai vô sở lai, khứ vô sở khứ, vô sanh vô diệt, phi quá hiện vị lai,
 không từ đâu đến, không đi về đâu, vô sanh vô diệt, phi quá khứ, hiện tại vị
 lai,
 但以酬願度生。現在西方。
 đản dĩ thù nguyện độ sanh, hiện tại Tây phương,
 chỉ dùng thù nguyện độ sanh. Hiện tại Tây phương,
 去閻浮提百千俱胝那由他佛刹。有世界名曰極樂。佛名無量壽。
 khứ Diêm-phù-đề bách thiên câu chi na-do-tha Phật sát. hữu thế giới danh viết
 Cực-Lạc. Phật danh Vô-Lượng-Thọ.
 cách Diêm-phù-đề trăm ngàn ức na-do-tha cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc,
 Phật tên Vô Lượng Thọ,
 成佛已來於今十劫。有無量無數菩薩摩訶薩。
 thành Phật dĩ lai ư kim thập kiếp. hữu vô lượng vô số Bồ-tát Ma-Ha tát.
 thành Phật đến nay đã mười kiếp, có vô lượng vô số Bồ-tát-ma-ha-tát,
 及無量無數聲聞之眾。恭敬圍繞而為說法。
 cập vô lượng vô số Thanh văn chi chúng. cung kính vây quanh nhi vi thuyết Pháp
 cùng vô lượng vô số chúng Thanh-văn, cung kính vây quanh mà vì đó thuyết Pháp.
 彼佛光明。
 bi Phật quang-minh.
 Ánh hào quang của Đức Phật đó
 照於東方恒河沙數百千俱胝那由他不可稱量佛刹。
 chiếu ư Đông phương hằng-hà sa-số bách thiên câu chi na-do-tha bất khả xưng
 lượng Phật sát.
 soi sáng đến trăm ngàn ức na do tha cõi Phật không thể tính kể cõi nước Phật ở
 phương Đông.
 如是南西北方四維上下。亦復如是。復次阿難彼佛無量壽。
 như thị Nam Tây Bắc phương tứ duy thượng hạ. diệc phục như thị. phục thứ A-nan
 bi Phật Vô-Lượng-Thọ.
 Như vậy Nam Tây Bắc bốn phương trên dưới, cũng lại như vậy. Lại nữa A-nan! Đức
 Phật Vô Lượng Thọ kia,
 若化圓光。或一由旬二由旬三由旬。
 nhược hóa Viên Quang. hoặc nhất do-tuần nhị do-tuần tam do-tuần.
 hào quang tròn đầy, chiếu sáng đến hoặc một do-tuần, hai do-tuần, ba do-tuần
 或百由旬千由旬百千由旬。或俱胝那由他百千由旬。
 hoặc bách do-tuần thiên do-tuần bách thiên do-tuần. hoặc câu chi na-do-tha bách
 thiên do-tuần.
 hoặc trăm do-tuần, ngàn do-tuần, trăm ngàn do-tuần, hoặc một ức na-do-tha trăm
 ngàn do-tuần,
 乃至遍滿無量無邊無數佛刹。復次阿難。
 nãi chí biên mãn vô lượng vô biên vô số Phật sát. phục thứ A-nan.
 cho đến biên mãn vô lượng vô biên vô số cõi Phật. Lại nữa này A-nan!
 今此光明名無量光。無礙光。常照光。不空光。
 kim thủ quang-minh danh Vô lượng quang. vô ngại quang. thường chiếu quang. bất
 không quang.

nay ánh quang minh này tên là Vô Lượng quang, Vô Ngại quang, Thường Chiếu Quang, Bất Không quang,

利益光。愛樂光。安隱光。解脫光。無等光。

lợi ích quang. ái lạc quang. an ổn quang. giải thoát quang. vô đẳng quang.

Lợi Ích quang, Ái Lạc quang, Giải Thoát quang, Vô Đẳng quang,

不思議光。過日月光。奪一切世間光。

Bất Tư nghị quang. quá nhật nguyệt quang. đoạt nhất thiết thế gian quang.

Bất Tư Nghị quang, Quá Nhật Nguyệt quang, Đoạt Nhất Thiết Thế Gian quang,

無垢清淨光。如是光明。普照十方一切世界。

vô cấu thanh tịnh Quang. như thị quang-minh. phổ chiếu thập phương nhất thiết thế giới.

Vô Cấu Thanh Tịnh Quang. Các ánh quang minh này khắp soi mười phương tất cả thế giới.

天龍藥叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽

Thiên Long dược xoa Càn thát bà A-tu-La ca lâu la khần na la Ma hầu la dà

Rồng Trời Dược-xoa Càn-thát-bà, A-tu-La, Ca-lâu-la, Khần-na-la, Ma-hầu-la-dà,

人非人等。見此光明發菩提心獲利樂故。

nhân phi nhân đẳng. kiến thù quang-minh phát Bồ-đề tâm hoạch lợi lạc cố.

người và phi nhân v.v. thấy ấy quang minh này, phát Bồ-đề tâm, đều được lợi lạc.

佛告阿難。我住一劫。說此光明功德利益。

Phật cáo A-nan. ngã trụ nhất kiếp. thuyết thù quang-minh công đức lợi ích.

Phật bảo A-nan: Ta trong một kiếp, nói công đức lợi ích của ánh quang minh ấy,

亦不能盡。復次阿難。無量壽如來。

diệc bất năng tận. phục thứ A-nan. Vô-Lượng-Thọ Như Lai.

cũng chẳng thể hết. Lại nữa này A-nan! Vô Lượng Thọ Như Lai có vô lượng vô số chúng Thanh văn,

有如是百千萬十萬百萬。一俱胝百俱胝千俱胝。

hữu như thị bách thiên vạn thập vạn bách vạn. nhất câu chi bách câu chi thiên câu chi

số nhiều đến trăm ngàn vạn, một ức trăm ức ngàn ức,

緊迦囉數。頻婆囉數。那由他數。阿由他數。

khần ca la số. Tần-bà la số. na-do-tha số. a do tha số.

khần ca la số, tần bà la số, na-do-tha số, A-do-tha số,

毘婆訶數。嚩娑那數。穰伽數。阿僧祇數。

tì bà ha số. phộc sa na số. nhưong dà số. a tăng kì số.

tì-bà-ha số, phước-ta-na số, nhưong-dà số, a-tăng-kì số,

十阿僧祇數。百阿僧祇數。千阿僧祇數。

thập a tăng kì số. bách a tăng kì số. thiên a tăng kì số.

mười a-tăng-kì số, trăm a-tăng-kì số, ngàn a-tăng-kì số,

百千阿僧祇數。阿摩爾野數。不可思議數。

bách thiên a tăng kì số. a ma nễ dã số. bất khả tư nghị số.

trăm ngàn a-tăng-kì số, a-ma-nễ-dã số, bất khả tư nghị số,

如是無量無數聲聞之眾。譬喻算數數不能及。阿難。

như thị vô lượng vô số Thanh văn chi chúng. thí dụ toán số số bất năng cập. A-nan.

thí dụ toán số không thể kể hết. Này A-nan!

彼大目乾連神通第一。

bì Đại Mục-kiên-liên Thần thông đệ nhất.

Đại Mục-kiên-liên Thần thông đệ nhất,

三千大千世界所有一切童男童女。於一晝夜悉知其數。

tam Thiên Đại Thiên thế giới sở hữu nhất thiết đồng nam đồng nữ. u nhất trú dạ tất tri kỳ số.

tam thiên đại thiên thế giới có tất cả đồng nam đồng nữ, trong một ngày đêm đều biết hết số lượng.

假使百千俱胝聲聞神通之力。皆如大目乾連。

giả sử bách thiên câu chi Thanh văn Thần thông chi lực. giai như Đại Mục-kiên-liên.

Giả sử sức thân thông của trăm ngàn ức chúng Thanh văn đều như Đại Mục-kiên-liên,

又一一聲聞。壽百千俱胝那由他歲。盡其壽命數。

hựu nhất nhất Thanh văn thọ bách thiên câu chi na-do-tha tuế. tận kỳ thọ mạng số lại mỗi mỗi Thanh văn thọ mạng lâu dài đến trăm ngàn ức na-do-tha năm, hết tất cả số thọ mạng,

彼聲聞百分之中。不及一分。復次阿難。

bỉ Thanh văn bách phân chi trung. bất cập nhất phân. phục thứ A-nan. trong trăm ngàn phần của Thanh văn cũng không bằng một phần của Tôn giả Mục-kiên-liên. Lại nữa A-nan!

譬如大海。深八萬四千由旬。廣闊無邊。

thí như Đại hải. thâm bát vạn tứ thiên do-tuần. quảng khoáng vô biên.

thí như Đại hải sâu tám vạn bốn ngàn do tuần, rộng lớn vô biên,

假使有人出身一毛。碎為百俱胝細如微塵。

giả sử hữu nhân xuất thân nhất mao. toái vi bách câu chi tế như vi trần.

giả sử có người lấy một sợi lông trên thân, đập vụn thành trăm ức sợi nhỏ như vi trần,

以一一塵投海出水。水在塵上形量亦爾。

dĩ nhất nhất trần đầu hải xuất thủy. thủy tại trần thượng hình lượng diệc nhĩ rồi dùng mỗi mỗi chấm vào nước biển, số lượng nước ở trên bụi trần cũng như vậy,如是投盡毛塵。於意云何。毛塵水多海中水多。

như thị đầu tận mao trần. u ý vân hà. mao trần thủy đa hải trung thủy đa.

như vậy nước trên đầu mỗi sợi lông, ý Ông thế nào? nước trên đầu lông nhiều hay nước trong biển nhiều?

阿難白佛言。世尊。毛塵出水未及半合。

A-nan bạch Phật ngôn. Thế tôn. mao trần xuất thủy vị cập bán hợp.

A-nan bạch Phật: thua Thế Tôn! nước trên đầu sợi lông chưa đến nửa muống,

海水無量。佛言阿難。彼目乾連等聲聞之眾。

hải thủy vô lượng. Phật ngôn A-nan. bỉ Mục-Kiên-Liên đẳng Thanh văn chi chúng nước trong biển nhiều vô lượng. Phật bảo A-nan: chúng Thanh văn Mục-kiên-liên, 盡其形壽。數知數者如毛塵之水。

tận kỳ hình thọ. số tri số giả như mao trần chi thủy.

thọ mạng số lượng như nước trên đầu sợi lông,

數未盡者如海中水。如是彼佛。

số vị tận giả như hải trung thủy. như thị bỉ Phật.

số chưa biết như nước trong biển. Cũng vậy, Đức Phật đó

有如是無量不可算數聲聞弟子。又彼佛國土大富無量。

hữu như thị vô lượng bất khả toán số Thanh văn đệ-tử. hựu bỉ Phật quốc thổ Đại phú vô lượng.

có chúng Thanh văn đệ tử vô lượng không thể tính kể, lại cõi Phật kia giàu lớn, vô lượng,

唯受快樂無有眾苦。無地獄餓鬼畜生焰魔羅界及八難之報。

duy thọ khoái lạc vô hữu chúng khổ. vô Địa-ngục nạ quý súc sanh diệm ma la giới
cập bát nan chi báo.

chỉ thọ an vui, không có các khổ, không có Địa Ngục, Nạ Quý, Súc Sanh, Diệm Ma
La giới và báo khổ tám nạn,

唯有清淨菩薩摩訶薩及聲聞之眾復次阿

duy hữu thanh tịnh Bồ-tát Ma-Ha tát cập Thanh văn chi chúng phục thứ a

chỉ có thanh tịnh Bồ-tát-ma-ha-tát và chúng Thanh văn. Lại nữa này A-nan!

難。彼佛國土。有種種寶柱。皆以百千珍寶。

nan. bi Phật quốc thổ. hữu chủng chủng bảo trụ. giai dĩ bách thiên trân bảo.

cõi Phật kia có nhiều trụ báu, đều dùng trăm ngàn trân báu

而用莊嚴。所謂金柱銀柱。瑠璃柱。頗梨柱。

nhì dụng trang nghiêm. sở vị kim trụ ngân trụ. lưu ly trụ. pha-lê trụ.

trang nghiêm, đó là trụ vàng, trụ bạc, trụ lưu ly, trụ pha lê,

真珠柱。碑磬柱。瑪瑙柱。復有金銀二寶柱。

chân châu trụ. xa cừ trụ. mã não trụ. phục hữu kim ngân nhị bảo trụ.

trụ chân châu, trụ xa cừ, trụ mã não; lại có trụ kim ngân,

金銀瑠璃三寶柱。金銀瑠璃頗梨四寶柱。

kim ngân lưu ly Tam Bảo trụ. kim ngân lưu ly pha-lê tứ bảo trụ.

trụ vàng bạc lưu ly, trụ vàng bạc lưu ly pha lê,

金銀瑠璃頗梨真珠五寶柱。

kim ngân lưu ly pha-lê chân châu ngũ bảo trụ.

trụ năm báu vàng bạc lưu ly, pha lê, chân châu,

金銀瑠璃頗梨真珠碑磬六寶柱。

kim ngân lưu ly pha-lê chân châu xa cừ lục bảo trụ.

trụ sáu báu vàng bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ,

金銀瑠璃頗梨真珠碑磬瑪瑙七寶柱。復次阿難。彼佛國土。

kim ngân lưu ly pha-lê chân châu xa cừ mã não thất bảo trụ. phục thứ A-nan. bi

Phật quốc thổ.

trụ bảy báu vàng bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ, mã não. Lại nữa A-nan!

cõi nước Đức Phật đó

復有種種寶樹。根莖枝幹黃金所成。

phục hữu chủng chủng bảo thụ. căn hành chi cán hoàng kim sở thành.

lại có các thứ cây báu, gốc rễ cành lá đều do vàng ròng làm thành,

華葉菓實白銀化作。亦有寶樹。根莖枝幹白銀所成。

hoa diệp quả thật bạch ngân hóa tác. diệp hữu bảo thụ. căn hành chi cán bạch

ngân sở thành.

hoa lá và trái quả từ kim ngân làm thành, cũng có cây báu, gốc cọng cành đều do

bạc trắng tạo thành,

花葉菓實瑠璃化作。亦有寶樹。

hoa diệp quả thật lưu ly hóa tác. diệp hữu bảo thụ.

hoa lá quả thật do lưu ly hóa thành. Cũng có cây báu

根莖枝幹瑠璃所成。華葉菓實頗梨化作。亦有寶樹。

căn hành chi cán lưu ly sở thành. hoa diệp quả thật pha-lê hóa tác. diệp hữu bảo

thụ.

gốc cọng cành lốm do lưu ly làm thành, hoa lá quả thật do pha lê hóa thành. Cũng

có cây báu,

根莖枝葉頗梨所成。華葉菓實真珠化作。

căn hành chi diệp pha-lê sở thành. hoa diệp quả thật chân châu hóa tác.

gốc cọng cành lá do pha lê làm thành, hoa lá quả thật do chân châu làm thành.

亦有寶樹。根莖枝幹真珠所成。

diệp hữu bảo thụ. căn hành chi cán chân châu sở thành.
 Cũng có báu cây, gốc cộng cành lá do chân châu tạo thành,
 華葉菓實碑礫化作。亦有寶樹。根莖枝幹碑礫所成。

hoa diệp quả thật xa cừ hóa tác. diệp hữu bảo thụ. căn hành chi cán xa cừ sở thành.
 hoa lá quả thật do xa cừ làm thành. Cũng có cây báu, rễ cây cỏ cành thân do xa cừ làm thành,
 花葉菓實瑪瑙化作。亦有寶樹。

hoa diệp quả thật mã não hóa tác. diệp hữu bảo thụ.
 hoa lá quả thật từ mã não tạo thành. Cũng có cây báu,
 根莖枝幹瑪瑙所成。花葉菓實黃金化作。亦有寶樹。

gốc cành thân do mã não tạo thành, hoa lá quả thật do hoàng kim làm thành iệp hữu bảo thụ.
 gốc cộng cành thân do mã não tạo thành, hoa lá quả thật do vàng ròng làm thành.
 Cũng có cây báu

黃金為根。白銀為身。瑠璃為枝。頗梨為梢。

hoàng kim vi căn. bạch ngân vi thân. lưu ly vi chi. pha-lê vi sao.
 vàng ròng làm gốc, bạch ngân làm thân, lưu ly làm cành, pha lê làm ngọn,
 真珠為葉。碑礫為花。瑪瑙為菓。亦有寶樹。

chân châu vi diệp. xa cừ vi hoa. mã não vi quả. diệp hữu bảo thụ.
 chân châu làm lá, xa cừ làm hoa, mã não làm quả. Cũng có cây báu,
 白銀為根。瑠璃為身。頗梨為枝。真珠為梢。

bạch ngân vi căn. lưu ly vi thân. pha-lê vi chi. chân châu vi sao.
 bạch ngân làm gốc, lưu ly làm thân, pha lê làm cành, chân châu làm ngọn,
 碑礫為葉。瑪瑙為花。黃金為菓。亦有寶樹。

xa cừ vi diệp. mã não vi hoa. hoàng kim vi quả. diệp hữu bảo thụ.
 xa cừ làm lá, mã não làm hoa, vàng ròng làm quả. Cũng có cây báu
 瑠璃為根。頗梨為身。真珠為枝。碑礫為梢。

lưu ly vi căn. pha-lê vi thân. chân châu vi chi. xa cừ vi sao.
 lưu ly làm gốc, pha lê làm thân, chân châu làm cành, xa cừ làm ngọn,
 瑪瑙為葉。黃金為花。白銀為菓。亦有寶樹。

mã não vi diệp. hoàng kim vi hoa. bạch ngân vi quả. diệp hữu bảo thụ.
 mã não làm lá, vàng ròng làm hoa, bạch ngân làm quả. Cũng có cây báu
 頗梨為根。真珠為身。碑礫為枝。瑪瑙為梢。

pha-lê vi căn. chân châu vi thân. xa cừ vi chi. mã não vi sao.
 pha lê làm gốc, chân châu làm thân, xa cừ làm cành, mã não làm ngọn,
 黃金為葉。白銀為花。瑠璃為菓。亦有寶樹。

hoàng kim vi diệp. bạch ngân vi hoa. lưu ly vi quả. diệp hữu bảo thụ.
 vàng ròng làm lá, bạch ngân làm hoa, lưu ly làm quả. Cũng có cây báu,
 真珠為根。碑礫為身。瑪瑙為枝。黃金為梢。

chân châu vi căn. xa cừ vi thân. mã não vi chi. hoàng kim vi sao.
 chân châu làm gốc, xa cừ làm thân, mã não làm cành, vàng ròng làm ngọn,
 白銀為葉。瑠璃為花。頗梨為菓。

bạch ngân vi diệp. lưu ly vi hoa. pha-lê vi quả.
 bạch ngân làm lá, lưu ly làm hoa, pha lê làm quả.
 亦有寶樹。碑礫為根。瑪瑙為身。黃金為枝。

diệp hữu bảo thụ. xa cừ vi căn. mã não vi thân. hoàng kim vi chi.
 Cũng có cây báu, xa cừ làm gốc, mã não làm thân, vàng ròng làm cành,
 白銀為梢。瑠璃為葉。頗梨為花。真珠為菓。

bạch ngân vi sao, lưu ly vi diệp, pha-lê vi hoa, chân châu vi quả.
bạch ngân làm ngọn, lưu ly làm lá, pha lê làm hoa, chân châu làm quả.

亦有寶樹。瑪瑙為根。黃金為身。白銀為枝。

diệp hữu bảo thụ, mã não vi căn, hoàng kim vi thân, bạch ngân vi chi.
Cũng có cây báu, mã não làm gốc, vàng ròng làm thân, bạch ngân làm cành,
瑠璃為梢。頗梨為葉。真珠為花。砮磈為菓。

lưu ly vi sao, pha-lê vi diệp, chân châu vi hoa, xa cừ vi quả.
lưu ly làm ngọn, pha lê làm lá, chân châu làm hoa, xa cừ làm quả.

如是極樂世界。七寶行樹。復次阿難。

như thị Cực-Lạc thế giới, thất bảo hành thụ, phục thứ A-nan.
Vì vậy nên nói Cực-Lạc thế giới có hàng cây thất bảo. Lại nữa A-nan!

彼佛國土清淨嚴飾寬廣平正。

bỉ Phật quốc thổ thanh tịnh nghiêm súc khoan quảng bình chánh.
Cõi nước của Đức Phật đó thanh tịnh nghiêm súc, rộng rãi, bằng phẳng,
無有丘陵坑坎荆棘沙礫土石等山。

vô hữu khâu lãng khanh khám kinh cức sa lịch độ thạch đẳng sơn.
không có gò đồng, hầm hố, chông gai, núi sỏi cát đá, đất đá,
黑山雪山寶山金山須彌山鐵圍山大鐵圍山。唯以黃金為地。

hắc sơn tuyết sơn bảo sơn kim sơn Tu-Di sơn thiết vi sơn Đại thiết vi sơn, duy
dĩ hoàng kim vi địa。

Hắc sơn, Tuyết sơn, Bảo sơn, Kim sơn, Tu-Di sơn, Thiết vi sơn, Đại thiết vi sơn,
duy chỉ dùng vàng ròng làm đất。

爾時阿難。聞是語已。白世尊言。

nhĩ thời A-nan, văn thị ngữ dĩ, bạch Thế tôn ngôn。

Lúc bấy giờ Ngài A-nan nghe xong, bạch Thế Tôn,

四大王天忉利天。依須彌山王住。夜摩天等當依何住。

tứ Đại Vương Thiên đao lợi Thiên, y Tu-Di sơn Vương trụ, Dạ-Ma Thiên đẳng đương
y hà trụ。

Trời Tứ Đại, Trời Đao-lợi nương núi chúa Tu-di mà trụ, còn Trời Dạ-ma sẽ trụ vào
đâu?

佛告阿難。

Phật cáo A-nan。

Phật bảo Ngài A-nan

夜摩兜率乃至色無色界一切諸天。皆依空界而住。阿難白言。

Dạ-Ma Đâu Suất nãi chí sắc vô sắc giới nhất thiết chư Thiên, giai y không giới
nhĩ trụ, A-nan bạch ngôn。

trời Dạ-ma, trời Đâu-suất cho đến trời Sắc Vô sắc giới, tất cả chư Thiên đều
nương không giới mà trụ. Ngài A-nan bạch rằng:

空界無礙云何依住。業因果報不可思議。佛告阿難。

không giới vô ngại vân hà y trụ, nghiệp nhân quả báo bất khả tu nghị, Phật cáo
A-nan。

không giới vô ngại làm sao nương trụ? nghiệp nhân quả báo không thể nghĩ bàn。

Phật bảo Ngài A-nan:

汝身果報亦不可思議。眾生業報亦不可思議。

nhữ thân quả báo diệc bất khả tu nghị, chúng sanh nghiệp báo diệc bất khả tu
nghị。

Quả báo thân Ông cũng không thể nghĩ bàn, chúng sanh nghiệp báo cũng không thể
nghĩ bàn,

諸佛聖力不可思議。彼佛國土雖無大海。

chư Phật Thánh lục bát khả tu nghị. bi Phật quốc thổ tuy vô Đại hải.
chư Phật Thánh lục không thể nghĩ bàn. Cõi Phật kia tuy không có biển lớn,
而有泉河處處交流。其水或闊十由旬。

nhi hữu tuyến hà xứ xứ giao lưu. kỳ thủy hoặc khoáng thập do-tuần.
mà có suối sông mỗi mỗi đan xen, nước rộng đến mười do tuần,
二十由旬。三十由旬。乃至百千由旬。深十二由旬。

nhị thập do-tuần. tam thập do-tuần. nãi chí bách thiên do-tuần. thâm thập nhị do-tuần.

hai mươi do-tuần, ba mươi do-tuần, cho đến trăm ngàn do-tuần, sâu mười hai do-tuần.

其水清淨具八功德出微妙聲。

kỳ thủy thanh tịnh cụ bát công đức xuất vi diệu thanh.

Nước ấy thanh tịnh đủ tám công đức, xuất ra âm thanh vi diệu,

譬如百千萬種音樂之聲。遍諸佛刹。

thí như bách thiên vạn chủng âm lạc chi thanh. biến chư Phật sát.

như trăm ngàn âm thanh của ngàn vạn nhạc âm, biến khắp cõi nước chư Phật,

一切眾生聞者適悅得大快樂。又水兩岸。復有無數栴檀香樹。

nhất thiết chúng sanh văn giả thích duyệt đắc Đại khoái lạc. hựu thủy lượng

ngạn. phục hữu vô số chiên đàn hương thụ.

tất cả chúng sanh nghe rồi được đại an vui. lại hai bên bờ nước, lại có vô số
cây chiên đàn hương,

吉祥菓樹。花卉恒芳光明照耀。

cát tường quả thụ. hoa hũy hằng phương quang-minh chiếu diệu.

cây trái cát tường, hoa cỏ thường toát ra mùi thơm, quang minh chiếu soi,

若彼眾生過此水時。要至足者。要至膝者。

nhược bỉ chúng sanh quá thử thủy thời. yếu chí túc giả. yếu chí tất giả.

nếu chúng sanh nào khi chạm vào nước này, thì sẽ đến chân, đến đầu gối,

乃至要至頂者。或要冷者溫者。急流者慢流者。

nãi chí yếu chí hạng giả. hoặc yếu lãnh giả ôn giả. cấp lưu giả mạn lưu giả.

cho đến chạm đến cổ, hoặc lạnh hoặc ấm, hoặc dòng nước chảy nhanh, hoặc dòng
nước chảy chậm,

其水一一隨眾生意令受快樂。

kỳ thủy nhất nhất tùy chúng sanh ý lệnh thọ khoái lạc.

nước ấy mỗi mỗi tùy ý chúng sanh, khiến được an vui.

又於水中出種種聲。佛聲法聲僧聲。止息聲無性聲波羅蜜聲。

hựu ư thủy trung xuất chủng chủng thanh. Phật thanh Pháp thanh Tăng thanh. chỉ

túc thanh Vô tánh thanh ba la mật thanh.

Lại ở trong nước phát ra các thanh âm, âm thanh của Phật, âm thanh của Pháp, âm
thanh của Tăng, Chỉ túc thanh, Vô tánh thanh, Ba-la-mật thanh

力聲無畏聲。通達聲。無行聲。無生聲。

lực thanh vô úy thanh. thông đạt thanh. vô hành thanh. vô sanh thanh.

Lực thanh, Vô úy thanh, Thông đạt thanh, Vô hành thanh, Vô sanh thanh,

無滅聲。寂靜聲。大慈聲。大悲聲。喜捨聲。

vô diệt thanh. tịch tĩnh thanh. Đại từ thanh. Đại bi thanh. hỉ xả thanh.

Vô diệt thanh, Tịch tĩnh thanh, Đại từ thanh, Đại bi thanh, Hỉ xả thanh,

灌頂聲。出如是種種微妙音聲。

quán đỉnh thanh. xuất như thị chủng chủng vi Diệu-Âm thanh.

Quán đỉnh thanh. Cõi nước kia phát ra các âm thanh vi diệu như vậy,

眾生聞已發清淨心無諸分別。正直平等成熟善根。

chúng sanh vẫn dĩ phát thanh tịnh tâm vô chư phân biệt. chánh trực bình đẳng thành thực thiện căn.

chúng sanh nghe xong, phát thanh tịnh tâm, không còn các phân biệt, chánh trực, bình đẳng, thành thực thiện căn,

永不退於阿耨多羅三藐三菩提心。

vĩnh bất thoái ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm.

vĩnh viễn không thoái chuyển Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tâm.

又彼佛刹其中生者。不聞地獄聲。餓鬼聲。畜生聲。夜叉聲。

hựu bỉ Phật sát kỳ trung sanh giả. bất văn Địa-ngục thanh. ngạ quỷ thanh. súc sanh thanh. dạ xoa thanh.

Lại chúng sanh sanh trong cõi nước đức Phật kia, không nghe tiếng Địa ngục, tiếng Ngạ quỷ, tiếng Súc sanh, tiếng Dạ-xoa,

鬪諍聲。惡口聲。兩舌聲。殺生聲。偷盜聲。

đấu tránh thanh. ác khẩu thanh. lưỡng thiết thanh. sát sanh thanh. thâu đạo hạnh tiếng đấu tránh, tiếng ác khẩu, tiếng lưỡng thiết, tiếng sát sanh, tiếng trộm cắp,

一切惡聲。而彼眾生。色相端嚴福德無量。

nhất thiết ác thanh. nhi bỉ chúng sanh. sắc tướng đoan nghiêm phúc đức vô lượng tất cả tiếng ác. Chúng sanh kia sắc tướng đoan nghiêm, phước đức vô lượng,智慧明了神通自在。宮殿樓閣。園林池沼。

trí tuệ sáng suốt, Thần thông tự tại, cung điện lầu các. viên lâm trì chiều. trí tuệ sáng suốt, thần thông tự tại, cung điện lầu gác, vườn rừng ao hồ,

衣服臥具。如他化自在天。最上快樂之具。

y phục ngọa cụ. như Tha-Hoá Tự-Tại Thiên. tối thượng khoái lạc chi cụ.

y phục ngọa cụ, đều như trời Tha-hoá-tự-tại, các đồ dùng cao cấp tối thượng
一切豐足。復次阿難。彼土眾生。

nhất thiết phong túc. phục thứ A-nan. bỉ độ chúng sanh.

tất cả đều đầy đủ. Lại nữa A-nan! Cõi đó chúng sanh,

思香花等欲供諸佛。作是念時。花香瓔珞。塗香末香。

tư hương hoa đẳng dục cung chư Phật. tác thị niệm thời. hoa hương anh lạc. đồ hương mật hương.

nghĩ đến hương hoa muôn cúng chư Phật, khi nghĩ hoa hương chuỗi ngọc, đồ hương mật hương,

幢幡傘蓋。及諸伎樂。隨意即至滿佛刹中。

tràng phiên tán cái. cập chư kỹ nhạc. tùy ý tức chí mãn Phật sát trung.

tràng phang bảo cái, cùng các kỹ nhạc, thì các thứ kia liền hiện đến đầy cõi nước Phật.

若思飲食湯藥。衣服臥具。頭冠耳環。

nhược tư ẩm thực thang dược. y phục ngọa cụ. đầu quan nhĩ hoàn.

Hoặc nghĩ ăn uống thuốc thang, y phục ngọa cụ, đai mũ, bông tai,

真珠羅網等。隨念即至亦遍佛刹。

chân châu la võng đẳng. tùy niệm tức chí diệc biến Phật sát.

chân châu mảnh lưới, hễ vừa nghĩ đến thì liền biến khắp cõi Phật.

又復思念摩尼寶等。莊嚴宮殿樓閣堂宇房間。

hựu phục tư niệm ma-ni bảo đẳng. trang nghiêm cung điện lầu các đường vũ phòng cấp.

Lại vừa suy nghĩ ma ni báu v.v. trang nghiêm cung điện lầu các, phòng nhà, hiện bỗng,

或大或小或高或下。如是念時。隨意現前無不具足。

hoặc Đại hoặc tiểu hoặc cao hoặc hạ. như thị niệm thời. tùy ý hiện tiền vô bất cụ túc.

hoặc to hoặc nhỏ, hoặc cao, hoặc thấp; khi nghĩ như vậy, chúng liền hiện ra không món gì không đầy đủ.

復次阿難。譬如有人少有財寶。

phục thứ A-nan. thí như hữu nhân thiếu hữu tài bảo。

Lại nữa này A-nan! Thí như có người có ít của báu,

對受灌頂位刹帝利王所有威勢悉皆不現。

đối thọ quán đỉnh vị Sát đế lợi Vương sở hữu uy thế tất giai bất hiện。

khi vua Sát-đế-lợi thọ quán đỉnh, thì tất cả oai thế đều không hiện ra.

又刹帝利對天帝釋前。所有威勢悉皆不現。

hựu Sát đế lợi đối Thiên đế thích tiền. sở hữu uy thế tất giai bất hiện。

Lại vua Sát-đế-lợi ở trước Thiên đế thích, thì tất cả oai thế thấy đều không hiện.

又天帝釋對他化自在天。所有威勢悉皆不現。

hựu Thiên đế thích đối Tha-Hoá Tự-Tại Thiên. sở hữu uy thế tất giai bất hiện。

Lại Thiên đế thích đối trước trời Tha Hoá Tự Tại, các oai thế đều không hiện.

又他化自在天等。及色無色界一切威勢。

hựu Tha-Hoá Tự-Tại Thiên đẳng. cập sắc vô sắc giới nhất thiết uy thế。

Lại Tha Hoá Tự Tại thiên cùng cõi sắc vô sắc giới, tất cả oai thế,

對無量壽如來極樂國土。悉皆不現。

đối Vô-Lượng-Thọ Như Lai Cực-Lạc quốc thổ. tất giai bất hiện。

trước cõi nước đức Vô Lượng Thọ Như Lai, thấy đều không hiện.

如是彼土功德莊嚴不可思議。

như thị bí độ công đức trang nghiêm bất khả tư nghị。

Như vậy cõi đó công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn.

復次阿難。彼佛國土每於食時。

phục thứ A-nan. bi Phật quốc thổ mỗi u thực thời。

Lại nữa A-nan ! cõi nước Đức Phật đó, mỗi khi đến giờ ăn,

香風自起吹動寶樹。樹相振觸出微妙音。

hương phong tự khởi xuy động bảo thụ. thụ tướng chấn xúc xuất vi Diệu-Âm。

gió thơm tự nhiên thổi động cây báu, các cây chạm nhau, phát ra âm thanh vi diệu,

演說苦空無常無我諸波羅蜜。復吹樹花落於地上。

diễn thuyết khổ không vô thường vô ngã chư ba la mật. phục xuy thụ hoa lạc u địa thượng。

diễn thuyết khổ không vô thường vô ngã và các Ba-la-mật, lại thổi cây hoa báu rụng trên đất.

周遍佛刹高七人量。平正莊嚴柔軟光潔。

châu biên Phật sát cao thất nhân lượng. bình chánh trang nghiêm nhu nhuyễn quang khiết。

Hoa ấy trải khắp cõi Phật, cao bằng bảy người, bằng thẳng, trang nghiêm, mềm mại, sáng sạch thanh khiết,

行人往來足躡其地深四指量。如迦隣那觸身安樂。

hành nhân vãng lai túc niếp kỳ địa thâm tứ chỉ lượng. như ca lân na xúc thân an lạc。

người đi lại chân lún sâu đến sâu bốn ngón tay, như ca-lân-na thân chạm vào an lạc

過食時後。是諸寶花隱地不現。

quá thực thời hậu. thị chu bảo hoa ẩn địa bất hiện.
 Sau giờ ăn, các hoa báu ẩn dưới đất không hiện nữa,
 經須臾間復有風生。吹樹落花布地面上。如前無異。
 Kinh tu du gian phục hữu phong sanh. xuy thụ lạc hoa bố địa diện thượng. như
 tiên vô dị.
 Trong chốc lát lại có gió thổi hoa trên cây, trải trên đất mặt như trước không,
 khác;
 初夜後夜亦復如是。
 sơ dạ hậu dạ diệc phục như thị.
 đầu đêm, sau đêm cũng lại như vậy.
 復次阿難。彼佛國土無其黑闇。無其星曜。
 phục thứ A-nan. bi Phật quốc thổ vô kỳ hắc ám. vô kỳ tinh diêu.
 Lại nữa này A-nan! cõi nước Đức Phật đó không có bóng tối u ám, không có ánh
 sáng của sao,
 無其日月。無其晝夜。無其取捨。無其分別。
 vô kỳ nhật nguyệt. vô kỳ trú dạ. vô kỳ thủ xả. vô kỳ phân biệt.
 không có ánh sáng nhật nguyệt, không có ngày đêm, không có phân biệt,
 純一無雜。唯受清淨最上快樂。
 thuần nhất vô tạp. duy thọ thanh tịnh tối thượng khoái lạc.
 thuần một không tạp, chỉ có thanh tịnh tối thượng khoái lạc.
 若有善男子善女人。若已生若當生。
 nhược hữu thiện nam tử. thiện nữ nhân. nhược dĩ sanh nhược đương sanh.
 Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào, hoặc đã sanh hoặc sẽ sanh vào trong cõi
 kia,
 是人決定證於阿耨多羅三藐三菩提。於意云何。
 thị nhân quyết định chứng ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. ư ý vân hà.
 người ấy quyết định chứng ở Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ý Ông thế nào?
 彼佛剎中無三種失。一心無虛妄。二位無退轉。
 bi Phật sát trung vô tam chủng thất. nhất tâm vô hư vọng. nhị vị vô thoái chuyển.
 cõi Phật kia không có ba thứ mất, một là tâm không hư vọng, hai là vị không
 thoái, chuyển,
 三善無唐捐。
 tam thiện vô đường quyên.
 ba là thiện vô luống mất.
 復次阿難。東方有恒河沙數世界。
 phục thứ A-nan. Đông phương hữu hằng-hà sa-số thế giới.
 Lại nữa này A-nan! Đông phương có hằng-hà sa số thế giới,
 諸佛如來出廣長舌相。放無量光說誠實言。
 chư Phật Như Lai xuất quảng trường thiết tướng. phóng Vô lượng quang thuyết
 thành thật ngôn.
 các Phật Như Lai xuất tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng hào quang, nói lời
 thành thật,
 稱讚無量壽佛不可思議功德。
 xưng tán Vô lượng thọ Phật bất khả tư nghị công đức.
 xưng khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Vô lượng Thọ Phật.
 南方亦有恒河沙數世界。諸佛如來出廣長舌相。
 Nam phương diệc hữu hằng-hà sa-số thế giới. chư Phật Như Lai xuất quảng trường
 thiết tướng.
 Nam phương cũng có hằng-hà sa số thế giới, chư Phật Như Lai xuất tướng lưỡi rộng
 dài,

放無量光說誠實言。稱讚無量壽佛不可思議功德。

phóng Vô lượng quang thuyết thành thật ngôn. xưng tán Vô lượng thọ Phật bất khả tu nghị công đức.

phóng Vô lượng hào quang, nói lời thành thật, khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Vô lượng Thọ Phật.

西方亦有恒河沙數世界。諸佛如來出廣長舌相。

Tây phương diệc hữu hằng-hà sa-số thế giới. chư Phật Như Lai xuất quảng trường thiết tướng.

Tây phương cũng có hằng-hà-sa số thế giới, các đức Phật Như Lai xuất tướng lưỡi rộng dài,

放無量光說誠實言。

phóng Vô lượng quang thuyết thành thật ngôn.

phóng vô lượng hào quang, nói lời thành thật,

稱讚無量壽佛不可思議功德。北方亦有恒河沙數世界。

xưng tán Vô lượng thọ Phật bất khả tu nghị công đức. Bắc phương diệc hữu hằng-hà sa-số thế giới.

khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Vô Lượng Thọ Phật. Bắc phương cũng có hằng-hà sa số thế giới,

諸佛如來出廣長舌相。放無量光說誠實言。

chư Phật Như Lai xuất quảng trường thiết tướng. phóng Vô lượng quang thuyết thành thật ngôn.

chư Phật Như Lai xuất tướng lưỡi rộng dài, phóng vô lượng hào quang, nói lời thành thật,

稱讚無量壽佛不可思議功德。如是四維上下。

xưng tán Vô lượng thọ Phật bất khả tu nghị công đức. như thị tứ duy thượng hạ khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Vô lượng Thọ Phật. Như vậy bốn phương trên dưới,

恒河沙數世界。諸佛如來出廣長舌相。

hằng-hà sa-số thế giới. chư Phật Như Lai xuất quảng trường thiết tướng.

hằng-hà sa-số thế giới, đều có chư Phật Như Lai xuất tướng lưỡi rộng dài,

放無量光說誠實言。稱讚無量壽佛不可思議功德。阿難。

phóng vô lượng hào quang, nói thuyết lời thành thật, xưng tán công đức bất khả tu nghị Vô Lượng Thọ Phật. A-nan

phóng Vô lượng Quang nói lời thành thật, khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của Vô Lượng Thọ Phật. Này A-nan!

於意云何。欲令眾生聞彼佛名。

ư ý vân hà. dục lệnh chúng sanh văn bi Phật danh.

Ý Ông thế nào? muốn khiến chúng sanh nghe được danh hiệu Đức Phật đó,

發清淨心憶念受持。歸依供養求生彼土。是人命終。

phát thanh tịnh tâm ức niệm thọ trì. quy y cung dưỡng cầu sanh bi độ. thị nhân mạng chung.

nên phát tâm thanh tịnh, nhớ niệm thọ trì, quy y cúng dường, cầu sanh cõi đó. Người đó mạng chung.

皆得往生極樂世界。

giai đắc vãng sanh Cực-Lạc thế giới.

đều được vãng sanh Cực Lạc thế giới,

不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

bất thoái chuyển ở a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề.

không thoái chuyển ở nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

復次阿難。若有善男子善女人。

phục thứ A-nan. nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân.
Lại nữa này A-nan! nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân

聞此經典受持讀誦書寫供養。晝夜相續求生彼刹。

văn thủ Kinh điển thọ trì đọc tụng thu tả cung dưỡng. trú dạ tương tục cầu sanh
bỉ sát.

nghe Kinh điển này, thọ trì đọc tụng biên chép cúng dường, liên tục ngày đêm
đều, cầu sanh cõi ấy,

是人臨終。無量壽如來與諸聖眾現在其前。

thị nhân lâm chung. Vô-Lượng-Thọ Như Lai dữ chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền.
người đó lâm chung, được đức Vô-Lượng-Thọ Như Lai cùng các Thánh chúng hiện ra
trước mặt,

經須臾間。即得往生極樂世界。

Kinh tu du gian. tức đắc vãng sanh Cực-Lạc thế giới.
trải qua chốc lát, liền được vãng sanh Cực lạc thế giới,
不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

bất thoái chuyển ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề.
không thoái chuyển ở nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

復次阿難。若有善男子善女人。發菩提心已。

phục thứ A-nan. nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân. phát Bồ-đề tâm dĩ.
Lại nữa, này A-nan! nếu có thiện nam tử Thiện nữ nhân sau khi phát Bồ-đề-tâm,
持諸禁戒堅守不犯。饒益有情。

trì chư cấm giới kiên thủ bất phạm. nhiều ích hữu tình.
giữ gìn cấm giới kiên trì không xâm phạm, ích lợi hữu tình,
所作善根悉施與之。令得安樂。

sở tác thiện căn tất thí dữ chi. lệnh đắc an lạc.
các thiện căn đều thí cho, khiến được an lạc,

憶念西方無量壽如來及彼國土。是人命終。如佛色相種種莊嚴。

ức niệm Tây phương Vô-Lượng-Thọ Như Lai cập bỉ quốc thổ. thị nhân mạng
chung. như Phật sắc tướng chủng chủng trang nghiêm.
tưởng niệm Tây phương Vô Lượng Thọ Như Lai cùng cõi nước đó, người này mạng
chung, sắc diện trang nghiêm như Phật,
生寶刹中賢聖圍繞。

sanh bảo sát trung hiện Thánh vây quanh.
sanh vào cõi Cực Lạc, chúng Hiền thánh vây quanh,

速得聞法永不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

tốc đắc văn Pháp vĩnh bất thoái chuyển ư a nậu đa la tam miểu tam-bồ-đề.
liền, được nghe Pháp, không bao giờ thoái chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng
Chánh Giác.

復次阿難。若有善男子善女人。發十種心。

phục thứ A-nan. nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân. phát thập chủng tâm.
Lại nữa, này A-nan! nếu có Thiện nam tử Thiện nữ nhân, phát mười loại tâm,
所謂一不偷盜。二不殺生。三不婬欲。

sở vị nhất bất thâu đạo. nhị bất sát sanh. tam bất dâm dục.
một không trộm cắp, hai không sát sanh, ba không dâm dục,

四不妄言。五不綺語。六不惡口。七不兩舌。

tứ bất vọng ngôn. ngũ bất khi ngữ. lục bất ác khẩu. thất bất lượng thiệt.
bốn không vọng ngữ, năm không nói lời thêu dệt, sáu không ác khẩu, bảy không nói
hai lưỡi,

八不貪。九不瞋。十不癡。

bát bát tham, cừu bát sân, thập bát si.
tám không tham, chín không sân, mười không ngu si.
如是晝夜思惟極樂世界無量壽佛。種種功德種種莊嚴。
như thị trú dạ tư duy Cực-Lạc thế giới Vô lượng thọ Phật. chủng chủng công đức chủng chủng trang nghiêm.
Nhu vậy ngày đêm nghĩ tưởng cảnh Cực lạc thế giới của Vô Lượng Thọ Phật, các công đức trang nghiêm,
志心歸依頂禮供養。是人臨終。不驚不怖心不顛倒。
chí tâm quy y đỉnh lễ cung dưỡng. thị nhân lâm chung. bất kinh bất phổ tâm bất điên đảo.
chí tâm quy y đánh lễ cúng dưỡng; người này khi lâm chung, không sợ hãi, không điên đảo,
即得往生彼佛國土。有無量無數諸佛世尊。
tức đắc vãng sanh bỉ Phật quốc thổ. hữu vô lượng vô số chư Phật Thế tôn.
liền được sanh qua cõi nước Đức Phật đó. Có vô lượng vô số các Phật Thế Tôn, xưng tán Vô lượng thọ Phật công đức danh hiệu. văn thị Pháp dĩ.
khen ngợi công đức danh hiệu đức Vô lượng Thọ Phật. Ai đặng nghe Pháp này,永不退於阿耨多羅三藐三菩提。
vĩnh bất thoái ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ- đề.
trọn sẽ không thoái chuyển ở nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
佛說大乘無量壽莊嚴經卷中
Phật thuyết Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh quyển trung
Phật Thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh.
Quyển Trung.

=====
TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:02:12 2006
=====

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA
VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM KINH**
Quyển Hạ

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 363

**Hán dịch: Đại Sư Pháp Hiền
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến
Việt dịch: Thích Nữ Hương Trí (05-2007)
Biên tập : Thích Phước Nghiêm**



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 363 《佛說大乘無量壽莊嚴經》CBETA 電子佛典 V1. 15 普及版

【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 363 《Phật thuyết Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1. 15 phổ cập bản

【Kinh văn tu tần】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 363 《Phật nói Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1. 15 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 363 佛說大乘無量壽莊嚴經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1. 15, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 363 Phật thuyết Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1. 15, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 363 Phật nói Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1. 15, Normalized Version

=====

佛說大乘無量壽莊嚴經卷下

Phật thuyết Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh quyển hạ
[Phật Thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh.](#)
[Quyển Hạ](#)

西天譯經三藏朝散大夫試光祿卿 明教大師臣法賢奉 詔譯
Tây Thiên dịch Kinh Tam Tạng triều tán Đại phu thí quang lộc khanh
minh giáo Đại sư Thần Pháp hiền phụng chiếu dịch
[Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc Khanh](#)
[Minh giáo Đại Sư Thần Pháp Hiền phụng chiếu dịch](#)

復次阿難。東方恒河沙數佛刹。一一刹中。

phục thứ A-nan。Đông phương hằng-hà sa-số Phật sát。nhất nhất sát trung。
[Lại nữa này A-nan! Hằng-hà-sa số cõi Phật ở phương Đông, trong mỗi mỗi cõi nước](#)
有無量無數菩薩摩訶薩。

hữu vô lượng vô số Bồ-tát Ma-ha-tát。
[có vô lượng vô số đại Bồ-tát](#)

及無量無數聲聞之眾。以諸香花幢幡寶蓋。

cập vô lượng vô số thanh văn chi chúng。dĩ chư hương hoa tràng phiên bảo cái。
[cùng vô lượng vô số chúng Thanh văn, đem các hương hoa tràng phang bảo cái,](#)
持用供養極樂世界無量壽佛。南方恒河沙數佛刹。一一刹中。

trì dụng cung dưỡng Cực Lạc thế giới Vô lượng thọ Phật。Nam phương hằng-hà sa-số
Phật sát。nhất nhất sát trung。
[cúng dường Đức Vô Lượng Thọ Phật ở thế giới Cực Lạc, hằng-hà-sa số cõi Phật ở](#)
[Nam phương. Trong mỗi cõi nước](#)

亦有無量無數菩薩摩訶薩。

diệc hữu vô lượng vô số Bồ-tát Ma-ha-tát。
[cũng có vô lượng vô số đại Bồ-tát](#)

及無量無數聲聞之眾。以諸香花幢幡寶蓋。

cập vô lượng vô số thanh văn chi chúng, dĩ chu hương hoa tràng phiến bảo cái
cùng vô lượng vô số chúng Thanh văn, đem các hương hoa tràng phang tàng lọng,
持用供養極樂世界無量壽佛。西方恒河沙數世界。

trì dụng cung dưỡng Cực Lạc thế giới Vô lượng thọ Phật. Tây phương hằng-hà sa-số
thế giới。

cúng dường đức Phật Vô lượng Thọ của thế giới Cực Lạc và hằng-hà-sa số thế giới
ở cõi Tây phương.

一一佛刹。亦有無量無數菩薩摩訶薩。

nhất nhất Phật sát. diệc hữu vô lượng vô số Bồ-tát Ma-ha-tát。

Mỗi mỗi cõi Phật cũng có vô lượng vô số đại Bồ-tát

及無量無數聲聞之眾。以諸香花幢幡寶蓋。

cập vô lượng vô số thanh văn chi chúng, dĩ chu hương hoa tràng phiến bảo cái。
cùng vô lượng vô số chúng Thanh văn, đem các hương hoa tràng phang bảo cái,

持用供養極樂世界無量壽佛。北方恒河沙數佛刹。

trì dụng cung dưỡng Cực Lạc thế giới Vô lượng thọ Phật. Bắc phương hằng-hà sa-số
Phật sát。

cúng dường Cực Lạc thế giới của Đức Vô Lượng Thọ Phật và hằng-hà-sa số cõi Phật
ở phương Bắc。

一一佛刹。亦有無量無數菩薩摩訶薩。

nhất nhất Phật sát. diệc hữu vô lượng vô số Bồ-tát Ma-ha-tát。

Mỗi mỗi cõi Phật cũng có vô lượng vô số đại Bồ-tát

及無量無數聲聞之眾。以諸香花幢幡寶蓋。

cập vô lượng vô số thanh văn chi chúng, dĩ chu hương hoa tràng phiến bảo cái。
cùng vô lượng vô số chúng Thanh văn, đem các hương hoa tràng phang bảo cái,

持用供養極樂世界無量壽佛。四維上下亦復如是。

trì dụng cung dưỡng Cực Lạc thế giới Vô lượng thọ Phật. tứ duy thượng hạ diệc
phục như thị。

cúng dường Đức Vô Lượng Thọ Phật ở thế giới Cực Lạc, bốn phương trên dưới cũng
lại như vậy。

各禮佛足。稱讚佛土功德莊嚴。

các lễ Phật túc. xưng tán Phật thổ công đức trang nghiêm。

Mỗi vị đều lễ dưới chân Phật, khen ngợi công đức trang nghiêm cõi nước Phật。

爾時世尊即說頌曰。

nhĩ thời Thế tôn tức thuyết tụng viết。

Lúc bấy giờ Thế Tôn nói kệ khen rằng:

東方世界恒河沙

Đông phương thế giới hằng-hà-sa

Đông phương thế giới hằng-hà-sa

菩薩聲聞發勝心

Bồ-tát thanh văn phát thắng tâm

Bồ-tát Thanh văn phát thắng tâm

持至莊嚴佛刹中

Trì chí trang nghiêm Phật sát trung

Mang đến cõi nước Phật trang nghiêm

供已禮足而稱讚

Cung dĩ lễ túc nhi xưng tán

Cúng rồi kính lễ và khen ngợi

如是西南及北方

Như thị Tây Nam cập Bắc phương

一一刹中無數量

Nhất nhất sát trung vô số lượng

Mỗi mỗi cõi nước vô số lượng

各以香花寶蓋等

Các dĩ hương hoa bảo cái đẳng

Đều dùng hương hoa và bảo cái

供養如來無量壽

Cung dưỡng Như Lai Vô Lượng Thọ

Cúng dường Như Lai Vô Lượng Thọ

最上希有大福田

Tối thượng hi hữu đại phúc điền

Tối thượng hi hữu đại phúc điền

四維上下恒沙界

Tứ duy thượng hạ hằng sa giới

Như vậy Tây Nam cùng Bắc phương
聲聞菩薩數亦然
Thanh văn Bồ-tát số diệc nhiên
Thanh văn Bồ-tát thường như vậy
禮足旋繞懷敬愛
Lễ túc toàn nhiều hoài kính ái
Lễ dưới chân rồi cung kính nhiều
積集功德普莊嚴
Tích tập công đức phổ trang nghiêm
Tích tập công đức khắp trang nghiêm
諸佛國界雖嚴飾
Chư Phật quốc giới tuy nghiêm sức
Các cõi nước Phật dù nghiêm sức
花供養佛
Phục dĩ Thiên hoa cung dưỡng Phật
Lại dùng hoa trời cúng dường Phật
縱廣量等百由旬
Túng quảng lượng đẳng bách do-tuần
Ngang rộng đến cả trăm do-tuần
遍覆如來寶剎中
Biển phúc Như Lai bảo sát trung
Che trùm cả cõi nước Như Lai
曾於過去百千劫
Tằng ư quá khứ bách thiên kiếp
Tùng trăm ngàn kiếp đời quá khứ
捨彼輪迴三有身
Xả bỉ Luân-hồi tam hữu thân
Giải thoát luân hồi được ba thân
爾時彼佛無量壽
Nhĩ thời bỉ Phật Vô-Lượng-Thọ
Bấy giờ Đức Phật Vô Lượng Thọ
密用神通化大光
Mật dụng Thần thông hóa Đại quang
Mật dùng Thần thông hóa đại quang
三十六億那由他
Tam thập lục ức na-do-tha
Ba mươi sáu ức na-do-tha
如是人天普照已
Như thị nhân Thiên phổ chiếu dĩ
Như vậy người trời khắp sáng soi
時會一切諸眾生
thời hội nhất thiết chư chúng sanh
Tất cả chúng sanh trong hội đó
各各俱發菩提心
Các các câu phát bồ đề tâm
Mỗi mỗi đều phát bồ đề tâm
爾時世尊。說此偈已。會中有觀自在菩薩。
Nhĩ thời Thế tôn. thuyết thử kệ dĩ. hội trung hữu Quán Tự Tại Bồ-tát.
Khi đức Thế Tôn nói xong bài kệ này, trong hội có Bồ-tát Quán Tự Tại
即從座起合掌向佛。而作是言。世尊。
tức từng tọa khởi hợp chưởng hướng Phật. nhi tác thị ngôn. Thế tôn.
liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng Phật bạch rằng: thưa Thế Tôn!

Bốn phương trên dưới hằng sa cõi
皆以香花伸供養
Giai dĩ hương hoa thân cung dưỡng
Đều dùng hương hoa đến cúng dường
復讚如來宿願深
Phục tán Như Lai tú nguyện thâm
Lại khen Như Lai túc nguyện sâu
無量無邊極樂國
Vô lượng vô biên Cực Lạc quốc
Vô lượng vô biên cõi Cực Lạc
難比如來寶剎中
Nan bỉ Như Lai bảo sát trung
Không bằng Như Lai cõi Cực Lạc 復以天
花散虛空為傘蓋
Hoa tán hư không vi tán cái
Hoa rơi trong không thành bảo cái
色相莊嚴無有比
Sắc tướng trang nghiêm vô hữu bỉ
Sắc tướng trang nghiêm không sánh kịp
互相慶慰生歡喜
Hỗ tương khánh úy sanh hoan hi
Vui khuyến lẫn nhau lòng hoan hi
積集無量眾善根
Tích tập vô lượng chúng thiện căn
Tích tập vô lượng các thiện căn
令至解脫清淨剎
Lệnh chí giải thoát thanh tịnh sát
Khiến được giải thoát, sanh cõi Tịnh
化導他方菩薩心
Hóa đạo tha phương Bồ-tát tâm
Hướng dẫn kia phát Bồ-tát tâm
其光從彼面門出
Kỳ quang từng bỉ diện môn xuất
Từ trên sắc diện phóng hào quang
普照俱胝千佛剎
Phổ chiếu câu chi thiên Phật sát
Khắp soi muôn ức ngàn cõi Phật
即入如來頂髻中
Tức nhập Như Lai đỉnh kế trung
Rồi vào nhục kế của Như Lai
敬歎佛光未曾有
Kính tán Phật quang vị tăng hữu
Ngợi khen ánh sáng chưa tăng có
願出塵勞登彼岸
Nguyện xuất trần lao đẳng bỉ ngạn
Nguyện xuất trần lao đẳng bỉ ngạn.

以何因緣。無量壽佛於其面門。

dĩ hà nhân duyên. Vô lượng thọ Phật ư kỳ diện môn.
do nhân duyên gì mà tôn nhan đức Vô Lượng Thọ Phật
放無量光照諸佛刹。唯願世尊方便解說。

phóng Vô lượng quang chiếu chư Phật sát. duy nguyện Thế tôn phương tiện giải
thuyết.

phóng vô lượng hào quang chiếu soi cõi nước của chư Phật, kính mong đức Thế Tôn
phương tiện giải nói cho con,

令諸眾生及他方菩薩。聞是語已生希有心。

lệnh chư chúng sanh cập tha phương Bồ-tát. văn thị ngữ dĩ sanh hi hữu tâm.
khiến các chúng sanh và các Bồ-tát phương khác nghe lời nói này đều sanh lòng hi
hữu,

於佛菩提志樂趣求入不退位。

ư Phật bồ đề chí lạc thú cầu nhập bất thối vị。

chí nguyện ham cầu quả vị Phật, vĩnh viễn không bao giờ thối chuyển.

爾時世尊告觀自在菩薩言。

nhĩ thời Thế tôn cáo Quán Tự Tại Bồ-tátngôn。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Quán Tự Tại Bồ-tát rằng:

汝今諦聽吾為汝說。彼佛如來。

nhữ kim đế thính ngô vi nhữ thuyết. bỉ Phật như lai.

Ông nay lắng nghe, ta vì Ông nói, đức Phật Như Lai

於過去無量無邊阿僧祇劫前。為菩薩時發大誓願。我於未來成正覺時。

ư quá khứ vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp tiền. vi ồ Tát thời phát Đại thệ ngôn
ngã ư vị lai thành chánh giác thời.

trong quá khứ vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp về trước, khi còn là Bồ-tát,
phát đại thệ nguyện: Tôi trong tương lai khi thành Chánh Giác,

若有十方世界無量眾生。

nhược hữu thập phương thế giới vô lượng chúng sanh。

nếu có chúng sanh trong mười phương vô lượng thế giới,

聞我名號或頂禮憶念。或稱讚歸依。或香花供養等。

văn ngã danh hiệu hoặc đỉnh lễ ức niệm. hoặc xưng tán quy y. hoặc hương hoa cung
dưỡng đẳng.

nghe danh hiệu ta, hoặc đánh lễ nhớ niệm, hoặc khen ngợi quy y, hoặc hương hoa
cúng dường v.v..

如是眾生速生我刹。見此光明即得解脫。

như thị chúng sanh tốc sanh ngã sát. kiến thử quang-minh tức đắc giải thoát。

thì những chúng sanh ấy mau sanh vào cõi nước tôi, thấy ánh hào quang, liền được
giải thoát.

若諸菩薩見此光明即得受記證不退位。

nhược chư Bồ-tát kiến thử quang minh tức đắc thọ kí chúng bất thối vị。

Hoặc các Bồ-tát khi thấy ánh quang minh này, liền được thọ ký chúng quả vị bất
thối chuyển,

手持香花及諸供具。往十方界無邊淨刹。

thủ trì hương hoa cập chư cung cụ. vãng thập phương giới vô biên tịnh sát。

tay cầm hương hoa cùng các đồ cúng, đi đến mười phương vô biên cõi nước thanh
tịnh,

供養諸佛而作佛事增益功德。經須臾間復還本土受諸快樂。

cung dưỡng chư Phật nhi tác Phật sự tăng ích công đức. Kinh tu du gian phục hoàn
bồn độ thọ chư khoái lạc.

cúng dường chư Phật và làm các Phật sự, tăng trưởng lợi ích công đức. Trải qua trong chốc lát liền trở về cõi nước mình, thọ các điều an vui,
是故光明而入佛頂。

thị cố quang-minh nhi nhập Phật đỉnh.
nên ánh quang minh chiếu vào đỉnh đầu của Phật.

復次阿難。無量壽佛應正等覺。

phục thứ A-nan. Vô lượng thọ Phật ứng chánh đẳng giác.
Lại nữa này A-nan! Vô Lượng Thọ Phật Ứng Chánh Đẳng Giác

所有菩提之樹。高一千六百由旬。四布枝葉八百由旬。

sở hữu bồ đề chi thụ. cao nhất thiên lục bách do-tuần. tứ bố chi diệp bát bách do-tuần.

có cội bồ đề cao một ngàn sáu trăm do tuần, bốn phía cành lá rộng đến tám trăm do tuần,

根入土際五百由旬花菓敷榮。

căn nhập độ tế ngũ bách do-tuần hoa quả phu vinh.

rễ ăn sâu vào đất năm trăm do tuần, hoa quả sum xuê trĩu cành,

作無量百千珍寶之色。於其樹上。復以月光摩尼寶。

tác vô lượng bách thiên trên bảo chi sắc. ư kỳ thụ thượng. phục dĩ nguyệt quang ma-ni bảo.

có màu sắc của vô lượng trăm ngàn trên báu, trên cây lại dùng ánh sáng mặt trăng ma-ni báu,

帝釋摩尼寶。如意摩尼寶。持海摩尼寶。

đế thích ma-ni bảo. như ý ma-ni bảo. trì hải ma-ni bảo.

báu ma ni Đế Thích, báu như ý ma-ni, báu trì hải ma-ni,

大綠寶。莎悉帝迦寶。愛寶瓔珞。大綠寶瓔珞。

Đại lục bảo. toa tất đế ca bảo. ái bảo anh lạc. Đại lục bảo anh lạc.

báu màu xanh biếc, báu toa-tất-đế-ca, báu ái bảo anh lạc, đại lục bảo anh lạc,

紅真珠瓔珞。青真珠瓔珞。

hồng chân châu anh lạc. thanh chân châu anh lạc.

hồng chân châu anh lạc, thanh chân châu anh lạc,

及金銀寶網等種種莊嚴。

cập kim ngân bảo võng đẳng chủng chủng trang nghiêm.

và kim ngân bảo cang, các thứ trang nghiêm.

復次阿難。每於辰時香風自起吹此寶樹。

phục thứ A-nan. mỗi ư Thần thời hương phong tự khởi xuy thử bảo thụ

Lại nữa này A-nan! mỗi khi đến giờ, gió thơm tự thổi cây báu,

樹相敦觸出微妙音。其聲普聞無量世界。

thụ tướng đôn xúc xuất vi Diệu-Âm. kỳ thanh phổ văn vô lượng thế giới

cây xúc chạm nhau phát ra âm thanh mầu nhiệm, âm thanh kia vang khắp đến vô lượng thế giới.

眾生聞者無其耳病。

chúng sanh văn giả vô kỳ nhĩ bệnh.

Chúng sanh nào nghe đặng âm thanh này rồi thì nhĩ căn không có bệnh,

乃至成就阿耨多羅三藐三菩提。若有眾生見此樹者。乃至成佛。

nãi chí thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. nhược hữu chúng sanh kiến thử

thụ giả. nãi chí thành Phật.

cho đến thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu có chúng sanh thấy cây ấy cho đến khi thành Phật,

於其中間不生眼病。若有眾生聞樹香者。乃至成佛。

ư kỳ trung gian bất sanh nhãn bệnh. nhược hữu chúng sanh văn thụ hương giả. nãi chí thành Phật.

trong thời gian ấy, không có bệnh về mắt. Nếu có chúng sanh nghe hương thơm cây ấy, cho đến thành Phật,

於其中間不生鼻病。若有眾生食樹菓者。

ư kỳ trung gian bất sanh tỳ bệnh. nhược hữu chúng sanh thực thụ quả giả.

trong thời gian ấy, không có bệnh về mũi. Nếu có chúng sanh nào ăn được quả của cây đó,

乃至成佛。於其中間舌亦無病。

nãi chí thành Phật. ư kỳ trung gian thiết diệc vô bệnh.

cho đến khi thành Phật, trong thời gian đó, cũng không có bệnh về lưỡi.

若有眾生樹光照者。乃至成佛。於其中間身亦無病。

nhược hữu chúng sanh thụ quang chiếu giả. nãi chí thành Phật. ư kỳ trung gian thân diệc vô bệnh.

Nếu có chúng sanh nào được ánh sáng cây ấy chiếu soi, cho đến khi thành Phật, trong thời gian ấy, thân cũng không bệnh.

若有眾生觀想樹者。乃至成佛。

nhược hữu chúng sanh quán tưởng thụ giả. nãi chí thành Phật.

Nếu có chúng sanh quán tưởng cây ấy, cho đến khi thành Phật,

於其中間心得清淨。遠離貪等煩惱之病。佛告阿難。

ư kỳ trung gian tâm đắc thanh tịnh viễn li tham đẳng phiền não chi bệnh. Phật cáo A-nan.

trong thời gian ấy, tâm được thanh tịnh, xa lìa các bệnh tham dục phiền não.

Phật bảo A-nan:

如是佛剎花菓樹木。與諸眾生而作佛事。

như thị Phật sát hoa quả thụ mộc. dĩ chu chúng sanh nhi tác Phật sự.

hoa quả cây trái của cõi Phật này, cùng các chúng sanh đồng làm Phật sự,

皆是彼佛過去大願之所攝受。

giai thị bi Phật quá khứ Đại nguyện chi sở nhiếp thọ.

đều nhiếp trong đại nguyện Đức Phật quá khứ.

復次阿難。彼佛剎中所有現在及未來生。

phục thứ A-nan. bi Phật sát trung sở hữu hiện tại cập vị lai sanh.

Lại nữa A-nan! chúng sanh đời hiện tại và vị lai của cõi nước Đức Phật đó,

一切菩薩摩訶薩。

nhất thiết Bồ-tát Ma-ha-tát.

và tất cả đại Bồ-tát,

一生令得阿耨多羅三藐三菩提。若有菩薩。以宿願故入生死界。

nhất sanh lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. nhược hữu Bồ-tát. dĩ tú

nguyện cố nhập sanh tử giới.

một khi sanh về bên cõi nước đó liền đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu có Bồ-tát do nguyện đời trước nên sanh vào trong thế giới sanh tử,

作師子吼利益有情。我令隨意而作佛事。

tác Sư-tử hồng lợi ích hữu tình. ngã lệnh tùy ý nhi tác Phật sự.

thì làm bậc Đạo Sư, lợi ích chúng hữu tình, ta khiến cho tùy ý làm Phật sự.

復次阿難。彼佛剎中。一切菩薩及諸聲聞。

phục thứ A-nan. bi Phật sát trung. nhất thiết Bồ-tát cập chu thanh văn.

Lại nữa này A-nan! Trong cõi nước Đức Phật đó tất cả chúng Bồ-tát cùng Thanh văn thân tướng nghiêm túc ánh sáng rực rỡ. 周迴照耀百千由旬。

thân tướng đoan nghiêm Viên Quang sí thịnh, châu hồi chiếu diệu bách thiên do-tuần.

thân tướng đoan trang viên quang chói lợi, soi sáng chiếu rọi trăm ngàn do-tuần, có hai vị Bồ-tát. thân quang viển chiếu tam Thiên Đại Thiên thế giới. A-nan bạch ngôn.

hữu nhị Bồ-tát. thân quang viển chiếu tam Thiên Đại Thiên thế giới. A-nan bạch ngôn.

có hai vị Bồ-tát thân ánh sáng chiếu xa ba ngàn đại thiên thế giới. Ngài A-nan bạch Phật rằng:

此二菩薩有大身光。其名云何。佛告阿難。

thử nhị Bồ-tát hữu Đại thân quang. kỳ danh vân hà. Phật cáo A-nan.

hai vị Bồ-tát đó có thân đầy ánh sáng ấy tên là gì? Phật bảo A-nan:

二菩薩者。一名觀自在。二名大精進。

nhị Bồ-tát giả. nhất danh Quán Tự Tại. nhị danh Đại tinh tấn.

hai Bồ-tát đó, vị thứ nhất tên là Quán Tự Tại, vị thứ hai tên là Đại Tinh Tấn, hiện cư thế giới tác Đại lợi lạc. mạng chung chi hậu đương sanh bỉ quốc.

hiện ở cõi này rộng làm lợi lạc cho chúng sanh, sau khi mạng chung sẽ sanh qua cõi nước đó.

復次阿難。彼佛剎中一切菩薩。

phục thứ A-nan. bỉ Phật sát trung nhất thiết Bồ-tát.

Lại nữa này A-nan! tất cả Bồ-tát của Đức Phật đó có

容貌柔和相好具足。禪定智慧通達無礙。

dung mạo nhu hòa tướng hảo cụ túc. Thiền định trí tuệ thông đạt vô ngại.

sắc tướng nhu hòa, tướng tốt đầy đủ, thiền định trí tuệ thông suốt vô ngại,神通威德無不圓滿。深入法門得無生忍。

Thần thông uy đức vô bất viên mãn. thâm nhập Pháp môn đắc vô sanh nhẫn.

thần thông oai đức không gì không viên mãn, thâm nhập Pháp môn, được vô sanh nhẫn,

諸佛祕藏究竟明了。調伏諸根身心柔軟。

chư Phật bí tạng cứu cánh minh liễu. điều phục chư căn thân tâm nhu nhuyễn.

hiểu rõ chư Phật bí tạng, điều phục được các căn, thân tâm nhu nhuyễn,

安住寂靜大乘涅槃。深入正慧無復餘習。

an trú tịch tĩnh Đại thừa Niết-Bàn. thâm nhập chánh tuệ vô phục dư tập.

an trú tịch tĩnh Đại thừa Niết-Bàn, sâu vào chánh tuệ không còn dư tàn khá ái,

依佛所行七覺聖道。修行五眼照真達俗。辯才總持自在無礙。

y Phật sở hạnh thất giác Thánh đạo. tu hành ngũ nhãn chiếu chân đạt tục. biện

tài tổng trì tự-tại vô ngại.

tu tập thất giác chi và tám Thánh đạo của Phật, tu hành ngũ nhãn, soi sáng thông đạt chân tục, biện tài tổng trì, tự tại vô ngại,

善解世間無邊方便。所言誠諦深入義味。

thiện giải thế gian vô biên phương tiện. sở ngôn thành để thâm nhập nghĩa vị.

hiểu rành vô biên phương tiện thế gian, nói lời thành thực, chắc chắn, sâu vào diệu nghĩa,

度諸有情演說正法。三界平等離諸分別。

độ chư hữu tình diễn thuyết chánh Pháp. tam giới bình đẳng ly chư phân biệt.

độ các hữu tình, diễn nói chánh Pháp, thấy tam giới bình đẳng, lìa các phân biệt,

無相無為無因無果。無取無捨無縛無脫。

vô tướng vô vi vô nhân vô quả. vô thủ vô xả vô phục vô thoát.

vô tướng, vô vi, vô nhân, vô quả, vô chấp, vô xả, vô triển phục, vô giải thoát,

遠離顛倒堅固不動如須彌山。智慧明了如日月朗。

viễn li diên đảo kiên cố bất động như Tu-Di sơn. trí tuệ minh liễu như nhật nguyệt lãng.

xa lia diên đảo, kiên cố chẳng động như núi Tu Di, trí huệ minh liễu như nhật nguyệt sáng soi,

廣大如海出功德寶。熾盛如火燒煩惱薪。

quảng Đại như hải xuất công đức bảo. sí thịnh như hỏa thiêu phiền não tân.

rộng lớn như đại hải xuất ra công đức báu, lớn mạnh như lửa thiêu đốt giặc phiền não,

忍辱如地一切平等。清淨如水洗諸塵垢。

nhẫn nhục như địa nhất thiết bình đẳng. thanh tịnh như thủy tẩy chu trần cấu.

nhẫn nhục như đất, đối với tất cả đều bình đẳng, thanh tịnh như nước rửa sạch các trần cấu,

如虛空無邊。不障一切故。如蓮花出水。

như hư không vô biên. bất chướng nhất thiết cố. như liên hoa xuất thủy.

như hư không vô biên, không chướng ngại tất cả; như hoa sen phun ra nước,

離一切染故。如雷震響。出法音故。如雲鬣鬣。

ly nhất thiết nhiễm cố. như lôi chấn hưởng. xuất Pháp âm cố. như vân ái đãi.

xa lia tất cả nhiễm ô; như tiếng sấm sét mà phát ra Pháp âm; như mây kéo dài lớp,

降法雨故。如風動樹。發菩提芽故。如牛王聲。

hàng Pháp vũ cố. như phong động thụ. phát bồ đề nha cố. như ngưu Vương thanh

mưa ra Pháp vũ, như gió động cây phát ra mầm móng Bồ đề, như tiếng ngưu vương

異眾牛故。如龍象威。難可測故。如良馬行。

dị chúng ngưu cố. như long tượng uy. nan khả trắc cố. như lương mã hành.

khác các trâu khác, oai như rồng voi, khó có thể suy lường; như ngựa giỏi phi chạy;

乘無失故。如師子坐。離怖畏故。如尼拘樹。

thừa vô thất cố. như Sư-tử tọa. Li Bồ Uy úy cố. như ni câu thụ.

như Sư tử tọa, lia xa sợ hãi; như cây Ni-câu,

覆蔭大故。如須彌山。八風不動故。如金剛杵。

phúc âm Đại cố. như Tu-Di sơn. Bát phong bất động cố. như Kim cương xử.

che trùm to lớn như núi chúa Tu Di, bát phong chẳng động; như chày Kim Cương 破

邪山故。如梵王身。生梵眾故。如金翅鳥。

phá tà sơn cố. như Phạm Vương thân. sanh phạm chúng cố. như kim sí điểu.

phá tan tà ma; như Phạm Vương sanh ra các Phạm chúng; như chim đại bàng

食毒龍故。如空中禽。無住處故。如慈氏觀。

thực độc long cố. như không trung cầm. vô trụ xứ cố. như từ thị quán.

ăn nuốt rồng độc; như chim bay trong không không vướng kẹt vào đâu; như quán Từ Thị,

法界等故。如是菩薩遍滿佛剎。吹法螺。

Pháp giới đẳng cố. như thị Bồ-tát biến mãn Phật sát. xuy Pháp loa.

pháp giới vân vân. Như vậy Bồ-tát biến khắp đầy cõi nước Phật, thổi Pháp loa,

豎法幢。擊法鼓。然法燈。離過清淨無迷無失。

thụ Pháp-Tràng. kích Pháp cố. nhiên Pháp đăng. ly quá thanh tịnh vô mê vô thất

dụng có chánh Pháp, đánh trống chánh Pháp, khiêu ngọn đèn Pháp, vượt lên thanh tịnh, không mê không thất.

手中出生花鬘瓔珞塗香旃香一切供具。

thủ trung xuất sanh hoa man anh lạc đồ hương mặt hương nhất thiết cung cụ.

Trong tay chư Bồ-tát xuất ra hoa man anh lạc, đồ hương, mật hương, tất cả đồ cúng dường,

持往百千俱胝那由他佛刹。供養諸佛。

trì vãng bách thiên câu chi na-do-tha Phật sát. cung dưỡng chư Phật.

rồi cầm đến trăm ngàn ức na do tha cõi Phật, cúng dường chư Phật.

復於手中別出寶花。散虛空中化成寶蓋廣十由旬。

phục u thủ trung biệt xuất bảo hoa. tán hư không trung hóa thành bảo cái quảng thập do-tuần.

Lại trong tay báu đặc biệt xuất ra hoa báu, rơi rải trong không trung, hóa thành đài báu, rộng mười do tuần,

或二十由旬。乃至百千由旬。遍諸佛刹。

hoặc nhị thập do-tuần. nãi chí bách thiên do-tuần. biến chư Phật sát.

hoặc hai mươi do tuần, cho đến trăm ngàn do tuần, khắp cõi nước chư Phật.

經須臾間還來本國。無愛無著。無取無捨。

Kinh tu du gian hoàn lai bản quốc. vô ái vô trú. vô thủ vô xả.

Trải qua trong chốc lát liền trở về nước mình, không ái nhiễm không chấp trước, không chấp không xả,

身心寂靜。

thân tâm tịch tĩnh.

thân tâm tịch tĩnh.

佛告阿難。此諸菩薩。我土五濁之所無有。

Phật cáo A-nan. thủ chư Bồ-tát. ngã độ ngũ trược chi sở vô hữu.

Phật bảo A-nan: cõi nước của các Bồ-tát này không có năm điều ô trược,

經百千俱胝劫說不能盡。

Kinh bách thiên câu chi kiếp thuyết bất năng tận.

trải qua trăm ngàn kiếp nói chẳng thể hết.

佛告阿難。吾今此土。所有菩薩摩訶薩。

Phật cáo A-nan. ngô kim thủ độ. sở hữu Bồ-tát Ma-ha-tát.

Phật bảo A-nan: Cõi nước của Ta có các đại Bồ-tát

已曾供養無量諸佛植眾德本。命終之後。

dĩ tăng cung dưỡng vô lượng chư Phật thực chúng đức bản. mạng chung chi hậu.

đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng các gốc đức, sau khi mạng chung,,

皆得生於極樂世界。阿難。汝起合掌面西頂禮。

giai đắc sanh u Cực Lạc thế giới. A-nan. nữ khởi hợp chưởng diện Tây đỉnh lễ đều được sanh qua cõi Cực Lạc. Này A-nan! Ông hãy đứng dậy chấp tay xoay mặt về phía Tây đánh lễ.

爾時阿難。即從座起合掌面西。

nhĩ thời A-nan. tức tùng tọa khởi hợp chưởng diện Tây.

Lúc bấy giờ ngài A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay hướng mặt về phía Tây, đỉnh lễ之間忽然得見極樂世界無量壽佛。

đỉnh lễ chi gian hốt nhiên đắc kiến Cực Lạc thế giới Vô lượng thọ Phật.

trong khoảng thì gian đánh lễ, bỗng được thấy thế giới Cực Lạc của đức Vô lượng Thọ Phật,

容顏廣大色相端嚴如黃金山。又聞十方世界諸佛如來。

dung nhan quảng đại sắc tướng đoan nghiêm như hoàng kim sơn. hựu văn thập phương thế giới chư Phật như lai.

thấy đức Phật kia dung nhan quảng đại, sắc tướng đoan nghiêm như hoàng kim sơn, lại nghe chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới

稱揚讚歎無量壽佛種種功德。阿難白言。

xung dương tán thán Vô lượng thọ Phật chúng chúng công đức. A-nan bạch ngôn.
xung dương tán thán công đức Phật Vô Lượng Thọ. Ngài A-nan bạch Phật:

彼佛淨刹得未曾有。我亦願樂生於彼土。

bi Phật tịnh sát đắc vị tăng hữu. ngã diệc nguyện lạc sanh ư bi độ.
cõi nước của Đức Phật kia chưa từng có, con nay cũng nguyện sanh về cõi đó.
世尊告言。其中生者菩薩摩訶薩。

Thế tôn cáo ngôn. kỳ trung sanh giả Bồ-tát Ma-ha-tát.

Thế Tôn bảo rằng: chu đại Bồ-tát sanh trong cõi nước đó,

已曾親近無量諸佛植眾德本。汝欲生彼。應當一心歸依瞻仰。

dĩ tăng thân cận vô lượng chu Phật thực chúng đức bản. nhữ dục sanh bi. ứng
đương nhất tâm quy y chiêm ngưỡng.

**đã từng gần gũi vô lượng chu Phật, trồng các gốc đức. Ông muốn sanh qua cõi ấy ,
nên phải nhất tâm quy y chiêm ngưỡng.**

作是語時。無量壽佛於手掌中。

tác thị ngữ thời. Vô lượng thọ Phật ư thủ chương trung.

Nói lời như vậy xong, trong lòng tay đức Vô Lượng Thọ Phật

放無量光照于東方百千俱胝那由他佛刹。於此世界。

phóng Vô lượng quang chiếu vu Đông phương bách thiên câu chi na-do-tha Phật sát
ư thủ thế giới.

phóng vô lượng hào quang, sáng soi trăm ngàn na do tha cõi nước ở phương Đông.

Trong thế giới ấy,

所有黑山雪山。金山寶山。目真隣陀山。

sở hữu hắc sơn tuyết sơn. kim sơn bảo sơn. mục chân lân đà sơn.

các núi Hắc Sơn, Tuyết sơn, Kim sơn, Bảo sơn, Mục-chân-lân sơn,

摩訶目真隣陀山。須彌山。鐵圍山。大鐵圍山。

Ma-Ha mục chân lân đà sơn. Tu-Di sơn. thiết vi sơn. Đại thiết vi sơn.

Núi Đại Mục-chân-lân-đà, núi Tu Di, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi,

大海江河叢林樹木。及天人宮殿。

Đại hải giang hà tùng lâm thụ mộc. cập Thiên Nhơn cung điện.

Đại hải, đại giang, rừng cây, cung cung điện cõi Trời cõi người,

一切境界無不照見。譬如日出明照世間。亦復如是。

nhất thiết cảnh giới vô bất chiếu kiến. thí như nhật xuất minh chiếu thế
gian. diệc phục như thị.

**tất cả cảnh giới, không đâu là không soi thấy; thí như ánh mặt trời soi sáng thế
gian cũng lại như vậy.**

爾時會中。苾芻苾芻尼優婆塞優婆夷。

nhĩ thời hội trung. bạt sô bạt sô ni Ưu-bà-tắc Ưu-bà-di.

Lúc bấy giờ trong hội, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,

天龍藥叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人非

Thiên Long dược xoa Càn thát bà A-tu-La ca lâu la khản na la Ma hầu la dà nhân
phi

**Trời, Rồng, Dược-xoa Càn-thát-bà, A-tu-La, Ca lâu la, Khản-na-la, Ma-hầu-la-dà,
nhon, phi nhân**

人等。皆見極樂世界種種莊嚴。

nhân đẳng. giai kiến Cực Lạc thế giới chúng chúng trang nghiêm.

v.v.. đều thấy các trang nghiêm cõi Cực Lạc thế giới,

及見無量壽如來。聲聞菩薩圍繞恭敬。

cập kiến Vô-Lượng-Thọ Như Lai. thanh văn Bồ-tát vây quanh cung kính.

thấy chúng Thanh văn và Bồ-tát cung kính vây quanh đức Vô Lượng Thọ Như Lai,

譬如須彌山王出于大海。爾時極樂世界。

thí như Tu-Di sơn Vương xuất vu Đại hải. nhĩ thời Cực Lạc thế giới.
như núi chúa Tu-Di xuất hiện trong biển lớn. Lúc bấy giờ Cực Lạc thế giới
過於西方百千俱胝那由他國。以佛威力如對目前。

quá u Tây phương bách thiên câu chi na-do-tha quốc. dĩ Phật uy lực như đối mục
tiền。

vượt hơn trăm ngàn ức na-do-tha cõi nước ở phương Tây, nhờ oai lực của Phật nên
cũng thấy như ở trước mắt.

又見彼土清淨平正。譬如海面無有丘陵山嶮草木雜穢。

hựu kiến bỉ độ thanh tịnh bình chánh. thí như hải diện vô hữu khâu lãng sơn hiểm
thảo mộc tạp uế。

Lại thấy cõi nước kia thanh tịnh ngay thẳng, như mặt biển, không có gò đồng,
hang hốc, cỏ cây lẫn lộn,

唯是眾寶莊嚴。聖賢共住。

duy thị chúng bảo trang nghiêm. Thánh hiền cộng trụ。

chỉ thuần các báu trang nghiêm, Thánh hiền cộng trú。

復次阿難。又彼無量壽佛。

phục thứ A-nan. hựu bỉ Vô lượng thọ Phật。

Lại nữa này A-nan! lại đức Vô Lượng Thọ Phật ấy

與諸菩薩聲聞之眾。亦皆得見我身及娑婆世界菩薩聲聞。

dữ chu Bồ-tát thanh văn chi chúng. diệc giai đắc kiến ngã thân cập Sa Bà thế giới
Bồ-tát thanh văn。

cùng các Bồ-tát Thanh văn, cũng đều được thấy thân Ta cùng thế giới Ta Bà, Bồ-
tát, Thanh văn cùng

人天之眾。

nhân Thiên chi chúng。

chúng Trời người。

爾時世尊。告慈氏菩薩言。

nhĩ thời Thế tôn. cáo từ thị Bồ-tát ngôn。

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Từ Thị Bồ-tát rằng:

汝見極樂世界功德莊嚴宮殿樓閣園林臺觀流泉浴池不。

nhữ kiến Cực Lạc thế giới công đức trang nghiêm cung điện lầu các viên lâm đài
quán lưu tuyền dục trì bất。

Ông có thấy Cực Lạc thế giới công đức trang nghiêm, cung điện lầu các, vườn rừng
đài quán, dòng suối ao tắm chẳng?

慈氏汝見欲界諸天。上至色究竟天。

từ thị nhữ kiến dục giới chu Thiên. thượng chí sắc cứu cánh Thiên。

Từ Thị, ông có thấy Dục giới chu Thiên, trên đến cõi trời Sắc Cứu Cánh

雨種種香花遍滿佛剎。作莊嚴不。

vũ chủng chủng hương hoa biến mãn Phật sát. tác trang nghiêm bất。

mưa ra các thứ hương hoa biến khắp cõi Phật để trang nghiêm chẳng?

汝見菩薩聲聞淨行之眾。而作佛聲演說妙法。

nhữ kiến Bồ-tát thanh văn tịnh hạnh chi chúng nhĩ tác Phật thanh diễn thuyết
diệu Pháp

Ông có thấy tịnh hạnh chúng Bồ-tát, Thanh văn biến thành âm thanh Phật diễn nói
diệu Pháp,

一切佛剎皆得聞聲。獲利樂不。汝見百千俱胝眾生。

nhất thiết Phật sát giai đắc văn thanh. hoạch lợi lạc bất. nhữ kiến bách thiên
câu chi chúng sanh。

tất cả cõi Phật nghe thanh âm đều được lợi lạc chẳng? Ông thấy chúng sanh trong
trăm ngàn ức cõi nước,

游處虛空宮殿隨身不。慈氏菩薩白佛言。世尊。

du xū hư không cung điện tùy thân bất. từ thị Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.
tùy ý đi khắp cung điện trên hư không chẳng? Từ Thị Bồ-tát bạch Phật rằng: thua
Thế Tôn!

如佛所說一一皆見。慈氏白言。

như Phật sở thuyết nhất nhất giai kiến. từ thị bạch ngôn.

như Phật nói mỗi mỗi con đều thấy. Từ Thị bạch rằng:

云何此界一類眾生。雖亦修善而不求生。佛告慈氏。

vân hà thử giới nhất loại chúng sanh. tuy diệc tu thiện nhi bất cầu sanh. Phật
cáo từ thị.

thế nào gọi là chúng sanh trong thế giới này tuy cũng tu thiện nhưng không cầu
sanh tịnh độ? Phật bảo Từ Thị:

此等眾生智慧微淺。分別西方不及天界。

thử đẳng chúng sanh trí tuệ vi thiển. phân biệt Tây phương bất cập Thiên giới
những chúng sanh ấy trí tuệ nông cạn, khác với Tây phương, không bằng Thiên
giới,

是以非樂不求生彼。慈氏白言。此等眾生虛妄分別。

thị dĩ phi lạc bất cầu sanh bỉ. từ thị bạch ngôn. thử đẳng chúng sanh hư vọng
phân biệt.

ấy cho nên không ham cầu sanh qua cõi ấy. Từ Thị bạch rằng: chúng sanh ấy phân
biệt hư vọng,

不求佛刹何免輪迴。佛言慈氏。

bất cầu Phật sát hà miễn Luân-hồi. Phật ngôn từ thị.

không cầu sanh qua cõi Phật thì làm sao thoát luân hồi? Phật bảo Từ Thị:

極樂國中有胎生不。慈氏白言。不也世尊。其中生者。

Cực Lạc quốc trung hữu thai sanh bất. từ thị bạch ngôn. bất dã Thế tôn. kỳ trung
sanh giả.

Cõi Cực Lạc kia có loài thai sanh chẳng? Từ Thị bạch rằng: thua Thế Tôn! chúng
sanh trong cõi đó

譬如欲界諸天。居五百由旬宮殿。自在遊戲。

thí như dục giới chư Thiên. cư ngũ bách do-tuần cung điện. tự-tại du hí.

như Dục giới chư Thiên trong cung điện năm trăm do tuần, tự tại rong chơi đùa
giỡn,

何有胎生。世尊。此界眾生。

hà hữu thai sanh. Thế tôn. thử giới chúng sanh.

đâu có thai sanh. Thua Thế Tôn! chúng sanh trong cõi ấy

何因何緣而處胎生。佛言慈氏。此等眾生。

hà nhân hà duyên nhi xử thai sanh. Phật ngôn từ thị. thử đẳng chúng sanh.

nhân duyên gì mà sanh vào bào thai? Phật bảo Từ Thị, chúng sanh trong cõi đó,
所種善根不能離相。不求佛慧妄生分別。

sở chủng thiện căn bất năng ly tướng. bất cầu Phật tuệ vọng sanh phân biệt.

gieo trồng các thiện căn nhưng không lìa tướng, không cầu Phật huệ, vọng sanh
phân biệt,

深著世樂人間福報是故胎生。若有眾生。以無相智慧植眾德本。

thâm trú thế lạc nhân gian phúc báo thị cố thai sanh. nhược hữu chúng sanh. dĩ
vô tướng trí tuệ thực chúng đức bản.

tham đắm thế lạc, phúc báu nhân gian, nên sanh vào trong loài thai sanh. Nếu có
chúng sanh dùng vô tướng trí huệ trồng các gốc đức,

身心清淨遠離分別。求生淨刹趣佛菩提。

thân tâm thanh tịnh viển li phân biệt. cầu sanh tịnh sát thú Phật bồ đề.
thân tâm thanh tịnh, xa lìa phân biệt, cầu sanh tịnh độ, thú hướng bồ đề Phật
quả,

是人命終。

thị nhân mạng chung.

người này mạng chung,

剎那之間於佛淨土坐寶蓮花身相具足。何有胎生。

sát-na chi gian ư Phật tịnh độ tọa bảo liên hoa thân tướng cụ túc. hà hữu thai
sanh.

trong khoảnh khắc liền sanh vào cõi tịnh độ của đức Phật, ngồi trên hoa sen,
thân tướng trang nghiêm, làm sao có thai sanh!

慈氏汝見愚癡之人不種善根。但以世智聰辯。妄生分別增益邪心。

từ thị nhữ kiến ngu si chi nhân bất chủng thiện căn. đản dĩ thế trí thông

biện. vọng sanh phân biệt tăng ích tà tâm.

Từ Thị! Như ông thấy đó, những người ấy ngu si, không gieo trồng thiện căn, chỉ
dùng trí huệ thế gian, thông minh biện bác, vọng sanh phân biệt, tăng thêm tà
tâm,

云何出離生死大難。復有眾生。

vân hà xuất ly sanh tử Đại nan. phục hữu chúng sanh.

làm sao ra khỏi đại nạn sanh tử. Lại có chúng sanh

雖種善根供養三寶作大福田。取相分別情執深重。

tuy chủng thiện căn cung dưỡng Tam Bảo tác Đại phúc điền. thủ tướng phân biệt
tình chấp thâm trọng.

tuy gieo trồng thiện căn, cúng dường Tam Bảo, làm đại phước điền, nhưng chấp
tướng phân biệt, vọng tình sâu nặng,

求出輪迴終不能得。佛告慈氏。

cầu xuất Luân-hồi chung bất năng đắc. Phật cáo từ thị.

cầu ra khỏi luân hồi, trọn không thể được. Phật bảo Từ Thị:

譬如受灌頂位刹帝利王。置一大獄。於其獄內。

thí như thọ quán đỉnh vị Sát đế lợi Vương. trí nhất Đại ngục. ư kỳ ngục nội.

thí như vua Sát Đế Lợi khi làm lễ quán đảnh, thiết một Đại ngục, trong ngục ấy
安置殿堂樓閣鉤欄窓牖床榻座具。

an trí điện đường lâu các câu lan song dũ sàng tháp tọa cụ.

an trí cung điện lầu các, lan can cong đẹp, cửa sổ, giường hẹp dài, tọa cụ,

皆以珍寶嚴飾所須衣服飲食無不豐足。爾時灌頂王。

giai dĩ trân bảo nghiêm sức sở tu y phục ẩm thực vô bất phong túc. nhĩ thời quán
đỉnh Vương.

đều là trân báu nghiêm sức, y phục ẩm thực không gì không có. Lúc bấy giờ vua
Quán Đỉnh,

驅逐太子禁閉獄中。復與錢財珍寶羅紈匹帛。恣意受用。

khu trục Thái-Tử cấm bế ngục trung. phục dĩ tiền tài trân bảo la hoàn thất bạch
tứ ý thọ dụng.

xua đuổi Thái tử nhốt vào trong ngục, lại ban cho tiền tài trân báu, lụa là láng
mịn, tùy ý thọ dụng.

佛告慈氏。於意云何。彼太子得快樂不。

Phật cáo từ thị. ư ý vân hà. bi Thái-Tử đắc khoái lạc bất.

Phật bảo Từ Thị : Ý Ông thế nào? Thái tử an vui chăng?

慈氏白言。不也世尊。

từ thị bạch ngôn. bất dã Thế tôn.

Từ Thị bạch rằng: Dạ không Thưa Thế Tôn!

彼中雖有堂殿樓閣飲食衣服錢帛金寶隨意受用。
 bị trung tuy hữu đường điện lâu các âm thực y phục tiền bạch kim bảo tùy ý thọ dụng。
 trong ngục ấy tuy có nhà chánh điện, lầu các, các thứ y phục, âm thực, tiền tài, dù lọng, tùy ý thọ dụng,
 身閉牢獄心不自在。唯求出離。佛告慈氏。
 thân bế lao ngục tâm bất tự-tại。 duy cầu xuất ly。 Phật cáo từ thị。
 nhưng thân bị nhốt trong lao ngục, tâm chẳng tự tại, chỉ mong cầu ra khỏi. Phật bảo Từ Thị:
 若灌頂王不捨其過。彼諸大臣長者居士等。
 nhược quán đỉnh Vương bất xả kỳ quá。 bị chư Đại Thần Trưởng-Già Cư-sĩ đẳng。
 Nếu vua Quán Đảnh không để cho thái tử xuất ngục, thì các đại thần trưởng giả, cư sĩ v.v..
 可令太子免禁獄不。慈氏白言。王既不捨云何得出。佛言。
 khả lệnh Thái-Tử miễn cầm ngục bất。 từ thị bạch ngôn。 Vương ký bất xả vân hà đắc xuất。 Phật ngôn。
 có thể khiến Thái tử ra khỏi tù ngục chăng? Từ Thị bạch rằng: vua đã không chịu buông thả thì làm sao được ra. Phật bảo:
 如是如是。彼諸眾生。雖復修福供養三寶。
 như thị như thị。 bị chư chúng sanh。 tuy phục tu phúc cúng dưỡng Tam Bảo。
 cũng vậy, các chúng sanh ấy tuy có tu phước, cúng dường tam Bảo, 虛妄分別求人天果。得報之時。
 hư vọng phân biệt cầu nhân Thiên quả。 đắc báo chi thời。
 hư vọng phân biệt nhưng lại cầu quả báo nhân thiên, thì khi được phước báo như 所居器界宮殿樓閣。衣服臥具飲食湯藥。
 sở cư khí giới cung điện lâu các。 y phục ngọa cụ âm thực thang dược。
 các đồ dùng, cung điện lầu các, y phục, đủ ăn uống nước, thuốc thang, 一切所須悉皆豐足。而未能出三界獄中。常處輪迴而不自在。
 nhất thiết sở tu tất giai phong túc。 nhi vị năng xuất tam giới ngục trung thường xử Luân-hồi nhi bất tự-tại。
 tất cả chỗ mong cầu đều đầy dẫy dư dật, mà chưa có thể ra khỏi ngục tù ba cõi, thường bị luân hồi, không được giải thoát。
 假使父母妻子男女眷屬欲相救免。
 giả sử phụ mẫu thê tử nam nữ quyến chúc dục tướng cứu miễn。
 Giả sử cha mẹ, vợ, con trai, con gái, quyến thuộc muốn cứu nhau, 終不能出邪見業。王無能捨離。
 chung bất năng xuất tà kiến nghiệp。 Vương vô năng xả ly。
 trọn không thể ra khỏi nghiệp tà kiến, vua cũng không thể khiến lìa xa。
 若諸眾生斷妄分別。植諸善本無相無著。當生佛剎永得解脫。
 nhược chư chúng sanh đoạn vọng phân biệt。 thực chư thiện bản vô tướng Vô trú đương sanh Phật sát vĩnh đắc giải thoát。
 Còn nếu các chúng sanh đã đoạn tận vọng tướng phân biệt, gieo trồng các căn lành, không phân biệt chấp tướng, sẽ sanh qua cõi Phật kia, vĩnh viễn được giải thoát。
 慈氏菩薩白佛言。世尊。
 từ thị Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế tôn。
 Từ Thị Bồ-tát bạch Phật rằng: thưa Thế Tôn!
 今此娑婆世界及諸佛剎。有幾多菩薩摩訶薩。得生極樂世界。
 kim thử Sa Bà thế giới cập chư Phật sát。 hữu ki đa Bồ-tát Ma-ha-tát。 đắc sanh Cực Lạc thế giới。

nay thế giới Ta bà và cõi nước chư Phật có bao nhiêu vị đại Bồ-tát được sanh qua thế giới Cúc Lạc,

見無量壽佛。成就阿耨多羅三藐三菩提。

kiến Vô lượng thọ Phật. thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề.

được thấy đức Phật Vô Lượng Thọ, thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?

佛言慈氏。我此娑婆世界。

Phật ngôn từ thị. ngã thử Sa Bà thế giới.

Phật bảo Từ Thị: thế giới Ta-bà của Ta

有七十二俱胝那由他菩薩摩訶薩。

hữu thất thập nhị câu chi na-do-tha Bồ-tát Ma-ha-tát.

có bảy mươi hai ức na-do-tha vị đại Bồ-tát,

已曾供養無量諸佛植眾德本。當生彼國親近供養無量壽佛。

đã từng cúng dường vô lượng chư Phật thực chứng đức bản. đương sanh bi quốc thân

cận cung dưỡng Vô lượng thọ Phật.

đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trồng các cội đức, sẽ sanh vào cõi nước

kia, gần gũi cúng dường đức Vô Lượng Thọ Phật,

成就阿耨多羅三藐三菩提。

thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề.

thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

復次阿難。難忍佛刹。

phục thứ A-nan. nan nhẫn Phật sát.

Lại nữa này A-nan! Cõi Phật Nan Nhẫn

有十八俱胝那由他菩薩摩訶薩。生彼國土。寶藏佛刹。

hữu thập bát câu chi na-do-tha Bồ-tát Ma-ha-tát. sanh bi quốc thổ. bảo tạng Phật

sát.

có mười tám ức na-do-tha vị đại Bồ-tát sanh vào trong cõi đó. Cõi nước

đức Phật Bảo Tạng,

有九十俱胝那由他菩薩摩訶薩。生彼國土。火光佛刹。

hữu cửu thập câu chi na-do-tha Bồ-tát Ma-ha-tát. sanh bi quốc thổ. hỏa quang

Phật sát.

có chín mươi ức na-do-tha vị đại Bồ-tát sanh trong cõi đó. Cõi nước đức Phật Hỏa

Quang

有二十二俱胝那由他菩薩摩訶薩。

hữu nhị thập nhị câu chi na-do-tha Bồ-tát Ma-ha-tát.

có hai mươi hai ức na-do-tha vị đại Bồ-tát

生彼國土。無量光佛刹。

sanh bi quốc thổ. Vô lượng quang Phật sát.

sanh vào trong cõi nước kia. Cõi nước của đức Vô Lượng Quang Phật

有二十五俱胝那由他菩薩摩訶薩。生彼國土。世燈佛刹。

hữu nhị thập ngũ câu chi na-do-tha Bồ-tát Ma-ha-tát. sanh bi quốc thổ. thế đăng

Phật sát.

có hai mươi năm ức na-do-tha vị đại Bồ-tát sanh vào trong cõi đó. Cõi nước của

đức Phật Thế Đăng,

有六十俱胝那由他菩薩摩訶薩。生彼國土。龍樹佛刹。

hữu lục thập câu chi na-do-tha Bồ-tát Ma-ha-tát. sanh bi quốc thổ. long thụ Phật

sát.

có sáu mươi ức na-do-tha vị đại Bồ-tát sanh vào trong đó. Cõi nước của đức Phật

Long Thọ

有一千四百菩薩摩訶薩。生彼國土。

hữu nhất thiên tứ bách Bồ-tát Ma-ha-tát. sanh bi quốc thổ.
có một ngàn bốn trăm vị đại Bồ-tát sanh vào trong cõi nước đó.
無垢光佛刹。有二十五俱胝那由他菩薩摩訶薩。
vô cầu quang Phật sát. hữu nhị thập ngũ câu chi na-do-tha Bồ-tát Ma-ha-tát.
Cõi nước đức Phật Vô Cầu Quang có hai mươi năm ức na-do-tha vị đại Bồ-tát
生彼國土。師子佛刹。有一千八百菩薩摩訶薩。
sanh bi quốc thổ. Su-tử Phật sát. hữu nhất thiên bát bách Bồ-tát Ma-ha-tát.
sanh vào trong cõi đó. Cõi nước của đức Sư Tử Phật có một ngàn tám trăm vị đại
Bồ-tát
生彼國土。吉祥峯佛刹。
sanh bi quốc thổ. cát tường phong Phật sát.
sanh vào trong cõi nước đó. Cõi nước của đức Phật Cát Tường
有二千一百俱胝那由他菩薩摩訶薩。生彼國土。仁王佛刹。
hữu nhị thiên nhất bách câu chi na-do-tha Bồ-tát Ma-ha-tát. sanh bi quốc
thổ. nhân Vương Phật sát.
có hai ngàn một trăm ức na-do-tha vị đại Bồ-tát sanh vào trong cõi đó. Cõi nước
của đức Phật Nhân Vương,
有一千俱胝那由他菩薩摩訶薩。生彼國土。
hữu nhất thiên câu chi na-do-tha Bồ-tát Ma-ha-tát. sanh bi quốc thổ.
có một ngàn ức na-do-tha vị đại Bồ-tát sanh vào trong cõi đó.
花幢佛刹。有一俱胝菩薩摩訶薩。生彼國土。
hoa tràng Phật sát. hữu nhất câu chi Bồ-tát Ma-ha-tát. sanh bi quốc thổ.
Cõi nước của đức Phật Hoa Tràng có một ức vị đại Bồ-tát sanh vào trong cõi đó.
光明王佛刹。有十二俱胝菩薩摩訶薩。生彼國土。
quang-minh Vương Phật sát hữu thập nhị câu chi Bồ-tát Ma-ha-tát sanh bi quốc thổ
Cõi nước đức Quang Minh Phật có mười hai ức vị đại Bồ-tát sanh vào trong cõi đó.
得無畏佛刹。
đắc vô úy Phật sát.
Cõi nước Phật Đắc Vô Úy
有六十九俱胝那由他菩薩摩訶薩。生彼國土。悉皆親近供養無量壽佛。
hữu lục thập cửu câu chi na-do-tha Bồ-tát Ma-ha-tát. sanh bi quốc thổ. tất giai
thân cận cung dưỡng Vô lượng thọ Phật.
có sáu mươi chín ức na-do-tha vị đại Bồ-tát sanh vào trong cõi đó, đều gần gũi
cúng dường đức Vô Lượng Thọ Phật,
不久當成阿耨多羅三藐三菩提。佛言慈氏。
bất cửu đương thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. Phật ngôn từ thị.
chẳng lâu sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật bảo Từ Thị :
如是功德莊嚴極樂國土。滿彼算數無量之劫。
như thị công đức trang nghiêm Cực Lạc quốc thổ. mãn bi toán số vô lượng chi
kiếp。
các công đức trang nghiêm cõi nước Cực Lạc như vậy đủ số vô lượng kiếp,
說不能盡。若有善男子善女人。
thuyết bất năng tận. nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân.
nói chẳng thể hết. Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân,
得聞無量壽佛名號。發一念信心。歸依瞻禮。
đắc văn Vô lượng thọ Phật danh hiệu. phát nhất niệm tín tâm. quy y chiêm lễ.
được nghe danh hiệu đức Vô Lượng Thọ Phật, phát lòng tin, quy y chiêm lễ,
當知此人非是小乘。於我法中得名第一弟子。
đương tri thử nhân phi thị Tiểu thừa. u ngã Pháp trung đắc danh đệ nhất đệ-tử

phải biết người ấy chẳng phải là Tiểu thừa, ở trong Pháp của ta được gọi đệ tử bậc nhất.

佛告慈氏。

Phật cáo từ thị。

Phật bảo Từ Thị:

若有苾芻苾芻尼優婆塞優婆夷天龍藥叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺
nuộc hữu bát sô bát sô ni Ưu-bà-tắc Ưu-bà-di Thiên Long dược xoa Càn thát bà A-
tu-La ca lâu la khẩn na la ma hầu

nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Dược-xoa, Càn-thát-
bà, A-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-dà,

羅伽人非人等。

la dà nhân phi nhân đẳng。

nhân, phi nhân vân vân,

於此經典書寫供養受持讀誦。為他演說。乃至於一晝夜。

ư thử Kinh điển thư tả cung dưỡng thọ trì đọc tụng。vi tha diễn thuyết。nãi chí
ư nhất trú dạ。

biên chép cúng dường thọ trì đọc tụng kinh này, vì người khác diễn nói, cho đến
một ngày đêm

思惟彼刹及佛身功德。此人命終速得生彼。

tu duy bỉ sát cập Phật thân công đức。thử nhân mạng chung tốc đắc sanh bỉ。

suy nghĩ công đức thân Phật trong chùng sát na, người ấy mạng chung liền được
sanh qua cõi ấy,

成就阿耨多羅三藐三菩提。

thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。

thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。

復次慈氏。今此經典甚深微妙廣利眾生。

phục thứ từ thị。kim thử Kinh điển thậm thâm vi diệu quảng lợi chúng sanh。

Lại nữa Từ Thị! nay kinh điển này rất sâu vi diệu, rộng lợi ích chúng sanh。

若有眾生。於此正法受持讀誦書寫供養。

nuộc hữu chúng sanh。ư thử chánh Pháp thọ trì đọc tụng thư tả cung dưỡng。

Nếu có chúng sanh ở trong chánh Pháp này thọ trì đọc tụng biên chép cúng dường,

彼人臨終。假使三千大千世界滿中大火。

bỉ nhân lâm chung。giả sử tam Thiên Đại Thiên thế giới mãn trung Đại hỏa。

người đó khi lâm chung, giả sử ba ngàn đại thiên thế giới đầy lửa lớn,

亦能超過生彼國土。是人已曾值過去佛受菩提記。

diệc năng siêu quá sanh bỉ quốc thổ。thị nhân dĩ tăng trị quá khứ Phật thọ bồ đề
kí。

cũng hơn cõi nước kia, người này do nhờ đã từng được chư Phật đời quá khứ thọ ký
đạo Bồ đề,

一切如來同所稱讚。無上菩提隨意成就。

nhất thiết Như Lai đồng sở xưng tán。vô thượng bồ đề tùy ý thành tựu。

tất cả đức Như Lai đồng khen ngợi, nên sẽ thành Vô Thượng Bồ Đề。

佛言慈氏。佛世難值正法難聞。

Phật ngôn từ thị。Phật thế nan trị chánh Pháp nan văn。

Phật bảo Từ Thị: Phật ra đời khó được gặp, chánh Pháp khó được nghe,

如來所行亦應隨行。於此經典作大守護。

Như Lai sở hạnh diệc ứng tùy hành。ư thử Kinh điển tác Đại thủ hộ。

cho nên các ông nên làm theo những việc Như Lai đã làm, đối với kinh điển ấy nên
làm vị đại thủ hộ;

為諸有情長夜利益。莫令眾生墮在五趣莊嚴獄中。

vì chu hữu tình trường dạ lợi ích, mặc lệnh chúng sanh đọa tại ngũ thú trang nghiêm ngục trung.

vì các hữu tình chìm đắm trong đêm dài mà làm lợi ích, không khiến chúng sanh rơi vào năm đường ác; nên trang nghiêm địa ngục,

令諸有情種修福善求生淨刹。爾時世尊而說頌曰。

lệnh chu hữu tình chúng tu phúc thiện cầu sanh tịnh sát. nhĩ thời Thế tôn nhi thuyết tụng viết.

khiến các hữu tình gieo trồng và tu tập phúc thiện, cầu sanh tịnh độ. Bấy giờ đức Thế Tôn nói bài kệ khen rằng:

若不往昔修福慧
Nhược bất vãng tích tu phúc tuệ
Nếu không kiếp trước tu phúc huệ
已曾供養諸如來
Dĩ tăng cung dưỡng chư Như Lai
Đã từng cúng dường các Như Lai
聞已受持及書寫
Văn dĩ thọ trì cập thu tả
Nghe xong thọ trì và biên chép
如是一心求淨方
Như thị nhất tâm cầu tịnh phương
Như vậy nhất tâm cầu Tây phương
假使大火滿三千
Giả sử Đại hỏa mãn tam thiên
Giả sử lửa lớn đầy tam thiên
如是諸難悉能超
Như thị chư nan tất năng siêu
Như vậy các nạn đều vượt qua
彼佛利樂諸功德
Bỉ Phật lợi lạc chư công đức
Đức Phật lợi lạc các công đức
聲聞緣覺滿世間
Thanh văn Duyên giác mãn thế gian
Thanh văn Duyên-giác khắp thế gian
假使長壽諸有情
Giả sử trường thọ chu hữu tình
Giả sử các hữu tình trường thọ
稱讚如來功德身
Chưm tán Như Lai công đức thân
Khen ngợi công đức thân Như Lai
大聖法王所說法
Đại Thánh Pháp Vương sở thuyết Pháp
Chánh Pháp bậc Đại Vương tuyên thuyết
若有受持恭敬者
Nhược hữu thọ trì cung kính giả
Nếu ai thọ trì và cung kính

爾時世尊。說此法時。有十二俱胝那由他人。

nhĩ thời Thế tôn. thuyết thủ Pháp thời. hữu thập nhị câu chi na-do-tha nhân.
Khi đức Thế Tôn nói bài Pháp này, có mười hai ức na-do-tha người

遠塵離垢得法眼淨。八百苾芻。

viễn trần ly cấu đắc Pháp nhãn tịnh. bát bách bí sô.

xa trần cấu, được Pháp nhãn tịnh; tám trăm Tỳ-kheo

漏盡意解心得解脫。天人眾中。有二十二俱胝那由他人。

於此正法不能聞
Ư thử chánh Pháp bất năng văn
Ở trong chánh Pháp chẳng thể nghe
是故汝等聞斯義
Is cố nhữ đẳng văn tu nghĩa
Cho nên các Ông nghe nghĩa này
讀誦讚演并供養
Độc tụng tán diễn tinh cung dưỡng
Độc tụng khen ngợi và cúng dường
決定往生極樂國
Quyết định vãng sanh Cực Lạc quốc
Quyết định vãng sanh cõi Cực Lạc
及彼莊嚴諸牢獄
Cấp bỉ trang nghiêm chư lao ngục
Và kia trang nghiêm các lao ngục
皆是如來威德力
Giới thị Như Lai uy đức lực
Đều là oai đức của Như Lai
唯佛與佛乃能知
Duy Phật dữ Phật nãi năng tri
Duy Phật cùng Phật mới biết được
盡其神力莫能測
Tận kỳ Thần lực mạc năng trắc
Thần lực không thể so lường được
命住無數俱胝劫
Mạng trụ vô số câu chi kiếp
Thọ mạng vô số ức muôn kiếp
盡其形壽讚無盡
Tận kỳ hình thọ tán vô tận
Hết thân thọ mạng khen không cùng
利益一切諸群生
Lợi ích nhất thiết chư quần sanh
Lợi ích tất cả các quần sanh
佛說此人真善友
Phật thuyết thủ nhân chân thiện hữu
Phật nói người ấy chân thiện hữu.

lậu tận ý giải tâm đắc giải thoát. Thiên Nhơn chúng trung, hữu nhị thập nhị câu chi na-do-tha nhân.

lậu tận ý giải, tâm được giải thoát; trong chúng Thiên Nhơn có hai mươi hai úc na-do-tha người

證阿那含果。復有二十五俱胝人。

chúng A na hàm quả, phục hữu nhị thập ngũ câu chi nhân.

chúng A-na-hàm quả; lại có hai mươi lăm úc người

得法忍不退。復有四十俱胝百千那由他人。

đắc Pháp nhẫn bất thối, phục hữu tứ thập câu chi bách thiên na-do-tha nhân.

chúng được Pháp Nhẫn bất thối chuyển, lại có bốn vạn úc người

發阿耨多羅三藐三菩提心。

phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm.

phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

種諸善根皆願往生極樂世界見無量壽佛。復有十方佛刹。

chúng chư thiện căn giai nguyện vãng sanh Cực Lạc thế giới kiến Vô lượng thọ

Phật, phục hữu thập phương Phật sát.

trông các thiện căn, đều nguyện vãng sanh Cực Lạc thế giới, thấy đức Vô Lượng Thọ Phật. Lại có chúng sanh trong cõi Phật ở mười phương,

若現在生及未來生。見無量壽佛者。

nhược hiện tại sanh cập vị lai sanh, kiến Vô lượng thọ Phật giả.

nếu hiện tại vãng sanh và vị lai vãng sanh, đều thấy đức Vô Lượng Thọ Phật.

各有八萬俱胝那由他人。得然燈佛記。名妙音如來。

các hữu bát vạn câu chi na-do-tha nhân, đắc Nhiên đăng Phật kí, danh Diệu-Âm Như Lai.

Mỗi vị đều có tám vạn úc người, đều được đức Phật Nhiên Đăng thọ ký, hiệu là Diệu Âm Như Lai,

當得阿耨多羅三藐三菩提。彼諸有情。

đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề, bi chư hữu tình.

sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các chúng sanh ấy

皆是無量壽佛宿願因緣。俱得往生極樂世界。佛說是語時。

giai thị Vô lượng thọ Phật tú nguyện nhân duyên, câu đắc vãng sanh Cực Lạc thế

giới. Phật thuyết thị ngữ thời.

đều gieo trồng nhân duyên căn lành với đức Vô Lượng Thọ Phật, đều được vãng sanh thế giới Cực Lạc. Khi Phật nói lời này,

三千大千世界六種震動。

tam Thiên Đại Thiên thế giới lục chúng chấn động.

ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu kiểu,

雨諸香花積至于膝。復有諸天於虛空中。作妙音樂出隨喜聲。

vũ chư hương hoa tích chí vu tất, phục hữu chư Thiên ư hư không trung, tác Diệu-

Âm lạc xuất tùy hi thanh.

trời mưa các hương hoa, cao quá đầu gối; lại có chư Thiên ở trong hư không tấu lên âm nhạc diệu kỳ và âm thanh tùy hỷ;

乃至色界諸天。悉皆得聞歎未曾有。

nãi chí sắc giới chư Thiên, tất giai đắc văn thán vị tăng hữu.

cho đến chư Thiên ở cõi trời Sắc giới thấy đều được nghe và khen chưa từng có.

爾時尊者阿難及慈氏菩薩等。

nhĩ thời Tôn-Giả A-nan cập từ thị Bồ-tát đấng.

Lúc bấy giờ Tôn Giả A-nan, Bồ-tát Từ Thị

并天龍八部一切大眾。聞佛所說皆大歡喜信受奉行。

tinh Thiên Long bát bộ nhất thiết Đại chúng. văn Phật sở thuyết giai Đại hoan hi
tín thọ phụng hành.

và Trời Rồng, bát Bộ, tất cả đại chúng nghe Phật nói kinh này, đều đại hoan hi
tín thọ phụng hành.

佛說大乘無量壽莊嚴經卷下

Phật thuyết Đại thừa Vô-Lượng-Thọ trang nghiêm Kinh quyển hạ

Phật thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm kinh,
Quyển Hạ.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:02:20 2006

=====